

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM**  
**VIETNAM STONE WORK – TOP FABRICATION J.S.C**  
-----&\* &-----

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2015**

**HÀ NỘI - 2016**



## MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY.....	3
1. Thông tin khái quát.....	3
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh .....	4
3.1 Ngành nghề kinh doanh.....	4
3.2. Địa bàn kinh doanh .....	5
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	5
4.1 Mô hình quản trị.....	5
4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.....	5
4.3. Danh sách công ty con, công ty liên kết .....	8
5. Định hướng phát triển .....	8
5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty .....	8
5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn.....	8
5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (đối với môi trường, xã hội và cộng đồng) .....	9
6. Các rủi ro .....	10
6.1 Rủi ro về tài chính .....	10
6.2 Rủi ro về luật pháp .....	12
6.3 Rủi ro đặc thù .....	13
6.4 Rủi ro khác .....	13
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015 .....	13
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....	13
1.1 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty .....	17
1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch.....	21
2. Tổ chức và nhân sự.....	22
2.1 Danh sách Ban điều hành .....	22
2.2 Những thay đổi thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng ...	25
2.3. Công tác nhân sự và những chính sách đối với người lao động.....	25
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	26
3.1 Các khoản đầu tư lớn .....	26
3.2 Các công ty con, công ty liên kết : .....	27
4. Tình hình tài chính .....	27
4.1 Tình hình tài chính .....	27
4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	28

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	28
5.1 Cổ phần .....	28
5.2 Cơ cấu cổ đông.....	29
5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	30
5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ .....	30
5.5 Các chứng khoán khác .....	30
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	30
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	30
2. Tình hình tài chính .....	32
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....	33
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	34
5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.....	334
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	34
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty .....	34
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty .....	41
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị .....	41
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....	43
1. Hội đồng quản trị của Công ty .....	43
1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị .....	43
1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	46
1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị .....	46
1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành .....	46
1.5 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị .....	46
2. Ban kiểm soát của Công ty.....	48
2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát .....	46
2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát .....	52
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát .....	53
3.1 Thù lao, các khoản lợi ích.....	53
3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.....	53
3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ .....	53
3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty.....	53
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	54
1. Ý kiến kiểm toán .....	54
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán .....	55

## I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

### 1. Thông tin khái quát

- Tên công ty : Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam
- Tên giao dịch : Viet Nam Stone Work - Top Fabrication Joint Stock Company
- Tên viết tắt : **STONE VIETNAM**
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0500555916 (Chuyển từ số ĐKKD 0303000640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/02/2007) và đăng ký thay đổi lần 9 ngày 12/06/2014.
- Vốn điều lệ : **65.127.500.000 đồng**
- Địa chỉ : Khu công nghiệp CNC, Khu CNC Hoà Lạc, xã Thạch Hoà, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 04 – 33601860
- Fax : 04 – 33688305
- Email : info@stonevietnam.com
- Website : www.stonevietnam.com
- Mã cổ phiếu : **STV**

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

✓ Ngày 13/02/2007, Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam chính thức đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu số 0303000640 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội) cấp với vốn điều lệ ban đầu là **20 tỷ đồng**.

✓ Ngày 21/06/2007, Công ty được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chính thức trở thành Công ty đại chúng.

✓ Ngày 05/04/2010, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 85/2010/GCNCP-VSD và cấp mã chứng khoán là : **STV**.

✓ Ngày 08/12/2011 Công ty đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là **STV** và ngày **15/12/2011** là ngày bắt đầu giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

✓ Từ khi thành lập đến nay Công ty đã có 05 lần tăng vốn điều lệ, quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty cụ thể như sau:

**Lần 1:** Tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng trong năm 2008 bằng hình thức pháp hành riêng lẻ theo Nghị quyết số 01/NQ/SVN-DHĐCĐ ngày 26/06/2008 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua việc phát hành riêng lẻ cho các đối tác chiến lược của Công ty là Công ty Đá ốp lát cao cấp VINACONEX và Công ty Cổ phần Đệ Tam.

**Lần 2:** Tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 40 tỷ đồng trong năm 2009 bằng hình thức phát hành riêng lẻ theo Nghị quyết số 01/2009/NQ/SVN-DHĐCĐ ngày 07/05/2009 của

*Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua việc phát hành riêng lẻ cho các cổ đông chiến lược.*

**Lần 3:** Tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ đồng lên 41,025 tỷ đồng trong năm 2012 bằng hình thức phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết số 01/2012/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2012 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua.

**Lần 4:** Tăng vốn điều lệ từ 41,025 tỷ đồng lên 45,127 tỷ đồng trong năm 2013 bằng hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các cổ đông chiến lược theo Nghị quyết số 01/2013/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 23/03/2013 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua.

**Lần 5:** Tăng vốn điều lệ từ 45,127 tỷ đồng lên 65,127 tỷ đồng trong năm 2014 bằng hình thức phát hành cổ phiếu ra công chúng theo Nghị quyết số 02/2013/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 18/09/2013 của Đại Hội đồng cổ đông bất thường năm 2013 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### 3.1 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm nay của Công ty là chuyên về sản xuất gia công, chế tác, lắp đặt và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh cao cấp với những sản phẩm như : bàn bar, bàn bếp, lavabo, bàn đảo, bậu cửa, cầu thang, bàn trà, bàn ăn . . . Đồng thời Công ty còn gia công, chế tác nhiều loại sản phẩm đa dạng màu sắc, mẫu mã khác nhau cũng như gia công chế tác cho các dự án xuất khẩu thông qua Công ty CP Vicostone, Công ty CP Style Stone; Bên cạnh đó Công ty kinh doanh xuất khẩu trực tiếp bán đá tấm cho một số đối tác. Doanh thu bán hàng chi tiết như sau:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014 (triệu đồng)	Năm 2015 (triệu đồng)	Tăng trưởng
<b>I</b>	<b>Doanh thu bán đá tấm</b>	<b>55.371</b>	<b>13.030</b>	<b>-76,46%</b>
<b>II</b>	<b>Doanh thu gia công, chế tác</b>	<b>66.034</b>	<b>95.169</b>	<b>44,12%</b>
1	Doanh thu đá mẫu xuất khẩu	40.152	61.739	53,76%
2	Doanh thu gia công chế tác xuất khẩu	4.054	12.596	210,71%
3	Doanh thu bán cho các Đại lý	3.608	7.436	106,10%
4	Doanh thu bán trong nước (các công ty Xây dựng, nội thất, kiến trúc . . . và khách lẻ)	8.198	13.398	63,43%
5	Doanh thu bán hàng cho các dự án	10.022	0	

### 3.2. Địa bàn kinh doanh

Công ty CP Chế tác đá Việt Nam (STV) đã và đang nỗ lực không ngừng để xây dựng và phát triển thương hiệu để trở thành Công ty hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các sản phẩm đá qua gia công chế tác từ đá nhân tạo gốc thạch anh cao cấp. Sản phẩm của Công ty sản xuất ra được sử dụng trong nội thất là chủ yếu và đã có mặt trên toàn lãnh thổ Việt Nam cũng như được xuất khẩu đi một số Châu lục.

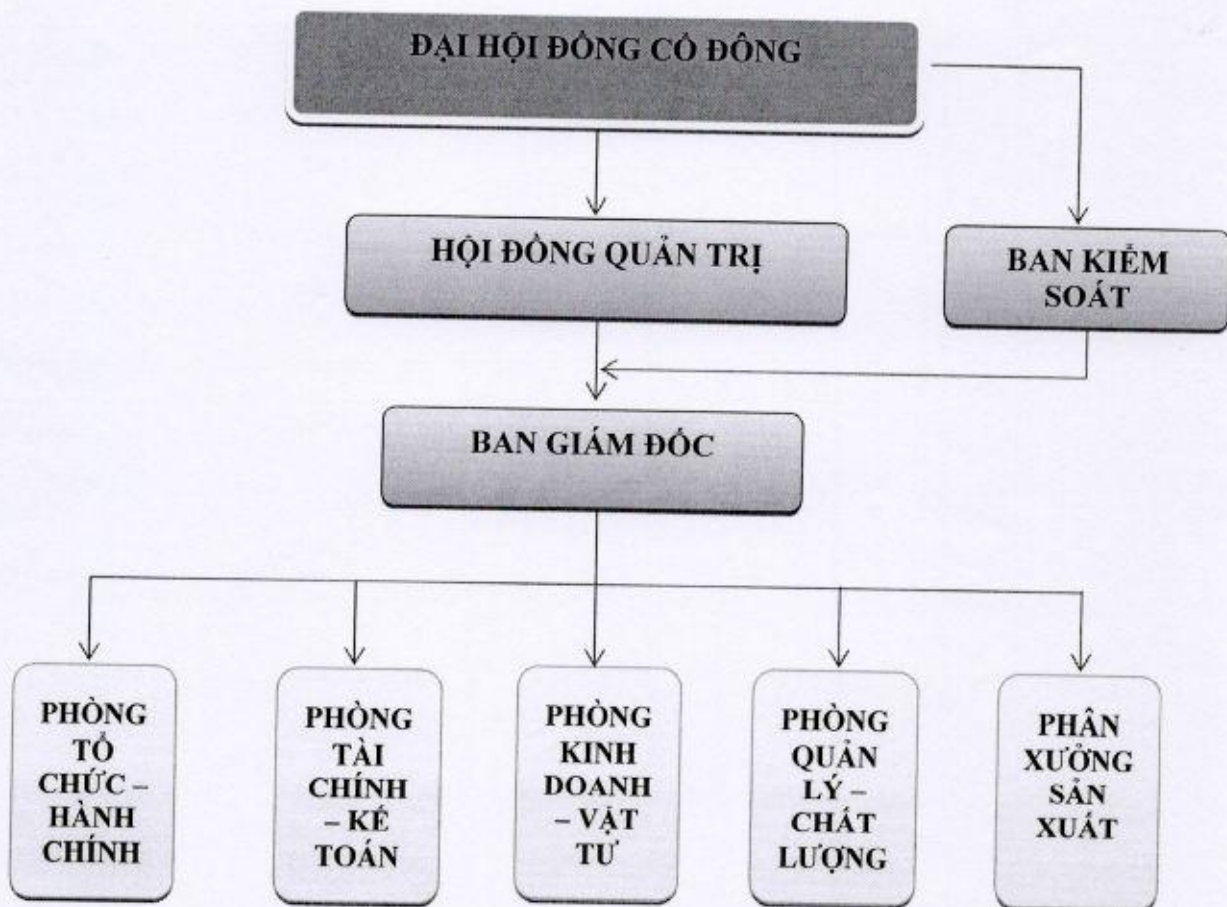
## 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

### 4.1 Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông và các bộ máy quản trị bao gồm : Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các phòng ban chức năng.

### 4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

#### SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY STONE VIETNAM



**Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCD gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là đơn vị có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định các vấn đề sau:

- Thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo;
- Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- Báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của Công ty
- Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Công ty của HĐQT, Ban Giám đốc
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn với loại cổ phần đó;
- Bầu, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, BKS và phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc;
- Báo cáo số tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ Công ty;
- Chia, tách, hợp nhất, sát nhập hoặc chuyển đổi Công ty
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty
- Việc Giám đốc đồng thời là Chủ tịch HĐQT;
- Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế khác của Công ty

**Hội đồng quản trị**

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCD.

Hội đồng quản trị có 5 thành viên, do ĐHĐCD bầu hoặc miễn nhiệm. Số lượng thành viên HĐQT có thể thay đổi tùy theo yêu cầu phát triển của Công ty và do ĐHĐCD quyết định.

Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị như sau:

- Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT
- Có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc điều hành công việc kinh doanh của Công ty; Báo cáo ĐHĐCD về việc giám sát Giám đốc và bộ máy điều hành trong năm.
- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do ĐHĐCD thông qua;
- Quyết định cơ cấu, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Phó Giám đốc và Kế toán trưởng trên cơ sở đề nghị của Giám đốc, quyết định mức lương và lợi ích khác của những người đó.
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý
- Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

- Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- Quyết định chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hay Cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm này không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).
- Đề xuất mức chia cổ tức hàng năm; xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến đề ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- Trình báo cáo tài chính hàng năm lên ĐHCĐ
- Sửa đổi khoản 2 Điều 6 của Điều lệ Công ty về mức vốn điều lệ sau khi kết thúc từng đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty.
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty.

#### **Ban kiểm soát**

BKS do ĐHCĐ bầu ra, gồm 3 thành viên. BKS có nhiệm vụ kiểm soát hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. BKS hoạt động độc lập với HĐQT và bộ máy điều hành của Ban Giám đốc. BKS có quyền và trách nhiệm như sau:

- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi hoạt động liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
- Kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
- Các trách nhiệm khác theo quy định của Điều lệ công ty.

#### **Ban Giám Đốc**

Ban Giám Đốc Công ty gồm Giám Đốc, các Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và bãi nhiệm. Các thành viên Ban Giám đốc có thể đồng thời là thành viên HĐQT và được HĐQT bầu, bổ nhiệm hoặc bãi miễn.

Giám đốc có quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ và HĐQT, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty đã được ĐHCĐ, HĐQT thông qua;
- Quyết định các vấn đề không cần nghị quyết của HĐQT bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo lên các cơ quan này khi được yêu cầu;
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ công ty và các quy chế của công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật.



Các Phó Giám đốc được Giám đốc phân công, ủy nhiệm quản lý và điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc và liên đới trách nhiệm với Giám đốc trước HĐQT trong phạm vi được phân công ủy nhiệm.

#### **4.3. Danh sách công ty con, công ty liên kết**

- ✓ Công ty con: không có
- ✓ Công ty liên kết: không có

### **5. Định hướng phát triển**

#### **5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Mục tiêu chủ yếu là trở thành một trong những Công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất gia công, chế tác và lắp đặt hoàn thiện các sản phẩm đá nhân tạo gốc thạch anh cao cấp sử dụng trong nội thất tại thị trường Việt Nam và cũng là đối tác tin cậy, uy tín trên thị trường Quốc tế.

- Tiếp tục duy trì và phát triển các mạng lưới dịch vụ tiêu thụ sản phẩm; Nâng cao uy tín hơn nữa, phấn đấu trở thành đối tác tin cậy của các doanh nghiệp trong lĩnh vực đá nhân tạo gốc thạch anh cao cấp,

- Đào tạo và nâng cao năng lực điều hành quản lý, năng lực khoa học kỹ thuật, kỹ năng giao tiếp với khách hàng, ... cho cán bộ công nhân viên, hướng đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ tốt hơn cho khách hàng,

- Áp dụng hệ thống công nghệ thông tin trong quản trị doanh nghiệp (như: quản lý Tài chính, quản lý Kho, quản lý Bán hàng, quản lý Sản xuất - Lắp đặt - Dịch vụ bảo hành, ...) trên toàn bộ hệ thống công ty một cách khoa học và hiệu quả,

- Xây dựng doanh nghiệp vững mạnh thông qua các chính sách ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống và gia tăng thu nhập cho cán bộ công nhân viên, cùng cố tinh thần đoàn kết, tinh thần xây dựng, lòng nhiệt tình sáng tạo, ...

#### **5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Xây dựng thương hiệu Công ty CP chế tác đá Việt Nam trở thành thương hiệu hàng đầu ở Việt Nam và trên Thế giới trong lĩnh vực sản xuất gia công, chế tác các sản phẩm từ đá nhân tạo gốc thạch anh cao cấp thương hiệu VICOSTONE Quartz Surfaces bằng việc tăng cường công tác quảng cáo, marketing ...

- Phát triển mạnh thị trường trong nước chủ yếu vào các lĩnh vực như: các dự án chung cư trung và cao cấp, trung tâm thương mại, khách sạn, các khu biệt thự, các trung tâm vui chơi, giải trí... Mở rộng hệ thống phân phối thông qua đại lý tại các khu vực kinh tế phát triển trên toàn quốc : TP Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, TP Quảng Ninh, TP Hải Phòng, Bắc Ninh ...

- Đẩy mạnh công tác xuất khẩu đá mẫu qua Công ty CP Vicostone và Công ty CP Style Stone.

- Đẩy mạnh công tác xuất khẩu các dự án gia công chế tác thông qua các Công ty trong tập đoàn như: Công ty CP Vicostone, Công ty CP Style Stone.

- Mở rộng các ngành nghề kinh doanh khác trong điều kiện cho phép phù hợp với chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty.

- Tiếp tục tăng cường năng lực tài chính để tạo sức mạnh cạnh tranh;
- Tăng cường chế độ đãi ngộ và thu hút nhân tài;
- Áp dụng các chuẩn mực quản trị tiên tiến, tăng cường công tác quản trị rủi ro;
- Đảm bảo hoạt động ổn định và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2016 như sau:

TT	Khoản mục	Năm 2015	Kế hoạch năm 2016	% tăng giảm
1	Tổng doanh thu (triệu đồng)	111.732	139.584	24,92%
2	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	22.015	22.883	3,94%
3	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	21.229	21.166	- 0,3%
4	Vốn điều lệ (triệu đồng)	65.127,5	65.127,5	%

TT	Khoản mục	Năm 2015	Kế hoạch năm 2016	% tăng giảm
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	20,35%	16,68%	-18,03%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	19,62%	15,42%	-21,37%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	21,14%	18,20%	-13,92%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROAA)	19,81%	17,57%	- 11,32%
9	Giá trị sổ sách (Vốn CSH/số lượng CP lưu hành cuối kỳ) – (đồng)	16.626	19.304	16,1%

### 5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (đối với môi trường, xã hội và cộng đồng)

✓ Xác định con người là yếu tố quan trọng, quyết định sự thành công của Công ty, trong những năm qua Công ty luôn luôn chú trọng và thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách đối với người lao động thể hiện ở các điểm sau :

+ Công ty luôn đảm bảo công việc đều đặn cho toàn thể CBCNV, mức thu nhập bình quân tăng dần theo năm cụ thể:

Năm 2014: 8.238.000 đồng/người/tháng

Năm 2015: 8.794.000 đồng/người/tháng

+ Thực hiện nghiêm túc các chế độ làm việc cho CBCNV như: bồi dưỡng làm ca 2, ca 3, chế độ khám sức khoẻ định kỳ cho CBCNV, chế độ trợ cấp ốm đau, thai sản...đảm bảo tuân thủ các chế độ đối với người lao động trong công ty theo đúng quy định của pháp luật về lao động, hợp đồng lao động và thoả ước lao động tập thể. Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đầy đủ kịp thời cho người lao động.

+ Thường xuyên chăm lo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV trong toàn công ty: tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao, thực hiện nếp sống văn minh lịch sự.

+ Thăm hỏi động viên kịp thời CBCNV khi có việc hiếu hỷ, ốm đau, tổ chức quyên góp giúp đỡ CBCNV gặp hoàn cảnh khó khăn ...thể hiện tinh thần “lá lành đùm lá rách”.

+ Công tác an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp được đặc biệt quan tâm chú trọng, việc huấn luyện an toàn lao động và trang bị bảo hộ cho người lao động được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ.

✓ Công ty cũng thường xuyên tham gia các chương trình ủng hộ từ thiện . . . khẳng định trách nhiệm với cộng đồng góp phần hướng tới một sự phát triển bền vững của xã hội

## 6. Các rủi ro

### 6.1 Rủi ro về tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, phải thu khách hàng, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau :

### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì khoản cho vay trong kỳ có lãi suất cố định.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty).

#### *Độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro sự thay đổi hối đoái với các loại ngoại tệ của Công ty là không đáng kể và ít phát sinh.

#### **Rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng, Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

	Đơn vị tính: VND		
	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Tổng cộng
<b>Số cuối năm</b>			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	215.729.461	-	215.729.461
Chi phí phải trả	40.000.000	-	40.000.000
	<b>255.729.461</b>	<b>-</b>	<b>255.729.461</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	2.924.807.509	-	2.924.807.509
Chi phí phải trả	98.583.333	-	98.583.333
	<b>3.023.390.842</b>	<b>-</b>	<b>3.023.390.842</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là quá thấp. Công ty có đủ khả năng thanh toán khoản nợ này.

### Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

## 6.2 Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần đồng thời đăng ký giao dịch trên sàn UpCom, Công ty hoạt động dưới sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về Công ty Cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Đặc biệt, Công ty hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng nên chịu sự chi phối của Luật Xây dựng và các quy định khác về bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Hệ thống pháp luật nước ta đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định chưa cao, các quy định còn mới đối với doanh nghiệp. Nhằm hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng tới

việc nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật và chính sách quản lý của Nhà nước, từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp cho từng thời kỳ.

### **6.3 Rủi ro đặc thù**

#### **Rủi ro về nhân sự:**

Nguồn nhân sự rất quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất gia công, chế tác đá do đó đội ngũ công nhân phải có chất lượng, tay nghề thuần thục. Nếu nhân sự liên tục thay đổi sẽ ảnh hưởng tới kế hoạch sản xuất và kết quả kinh doanh của Công ty.

#### **Rủi ro về cạnh tranh:**

Sản phẩm của Công ty đang trong giai đoạn thâm nhập vào thị trường trong nước, chưa được nhiều người tiêu dùng biết đến rộng rãi, chủ yếu tập trung tại thị trường Phía Bắc. Sự cạnh tranh cùng ngành sản phẩm thì rất ít nhưng sự cạnh tranh khác ngành sản phẩm và vật liệu thay thế thì rất nhiều. Các sản phẩm cạnh tranh chủ yếu hiện nay vẫn là dòng đá tự nhiên như Kimsa, Đen Huế, Marble và những dòng đá nhân tạo nhưng xuất từ Trung Quốc. Các công ty phân phối sản phẩm này ra đời và hoạt động từ lâu. Ngoài ra hiện nay trên thị trường Việt nam xuất hiện thêm rất nhiều các sản phẩm khác cùng loại như: Solid Surfaces, đá nhân tạo nhập từ Trung Quốc. Một số dòng sản phẩm Đá Quartz được sản xuất trên dây chuyền Breton như của Công ty cũng đã bắt đầu thâm nhập vào Việt Nam, như sản phẩm của Caesarstone được Hafele phân phối, sản phẩm Silestone được Công ty Đông Dương phân phối, sản phẩm của Handstone được công ty Hòn Ngọc đỏ phân phối, tuy nhiên số lượng không đáng kể.

#### **Rủi ro an toàn lao động:**

Đối với lĩnh vực gia công chế tác đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh, việc sản xuất gia công chế tác và lắp đặt trong điều kiện lao động khắc nghiệt như: môi trường làm việc nhiều tiếng ồn, nồng độ bụi cao, độ ẩm cao, công nhân thường mắc các bệnh về đường hô hấp, da ... Trong quá trình lắp đặt, rủi ro về an toàn lao động nếu xảy ra, đe dọa đến tính mạng người lao động.

### **6.4 Rủi ro khác**

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Công ty CP Chế tác đá Việt Nam (Stone Vietnam - STV) đã và đang nỗ lực không ngừng để trở thành Công ty hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp, gia công, chế tác, lắp đặt hoàn thiện các sản phẩm đá nhân tạo gốc thạch anh sử dụng trong nội thất như Mặt bàn bếp, Mặt bàn Lavabo, Bồn tắm, các sản phẩm ốp lát.

Với hệ thống phân phối trong những năm vừa qua đang mở rộng chủ yếu tập trung tại Thị trường phía Bắc, công ty đã và đang xây dựng được những kênh phân phối là các Đơn vị nội

thất, thiết kế tại thị trường Hà Nội, Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Bắc Ninh ...và kế hoạch năm 2016 sẽ bắt đầu đẩy mạnh vào thị trường phía Nam

Trong thời gian qua, nhiều khách hàng quốc tế đã chuyển hướng sang đặt các sản phẩm Cut to size tại công ty, điển hình như các dự án Water Club ( Pangea Quartz ), Grand Promenade ( Pental ), Nelson ( IMAC ), RNA YARD ( WK ) . . .

Qua những dự án này, Công ty Cổ phần Chế tác Đá Việt Nam ngày càng được đông đảo người tiêu dùng biết đến và mong muốn sử dụng sản phẩm và dịch vụ của Công ty. Chất lượng sản phẩm và dịch vụ cũng như sự hài lòng của khách hàng là ưu tiên hàng đầu và là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của Công ty.

*Hình ảnh một số sản phẩm tiêu biểu được ứng dụng trong nội thất gia đình như : bàn quầy, bàn bếp, bàn đảo, bàn ăn; bàn lavabo và shower trong phòng tắm*









Một số hình ảnh của Công ty hiện tại



Bên cạnh đó, với các trang thiết bị hiện đại đã được đầu tư, các sản phẩm của công ty luôn đáp ứng được tốt nhất các yêu cầu về mặt gia công, chế tác của khách hàng

### *1.1 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty*

❖ **Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 và năm 2015**

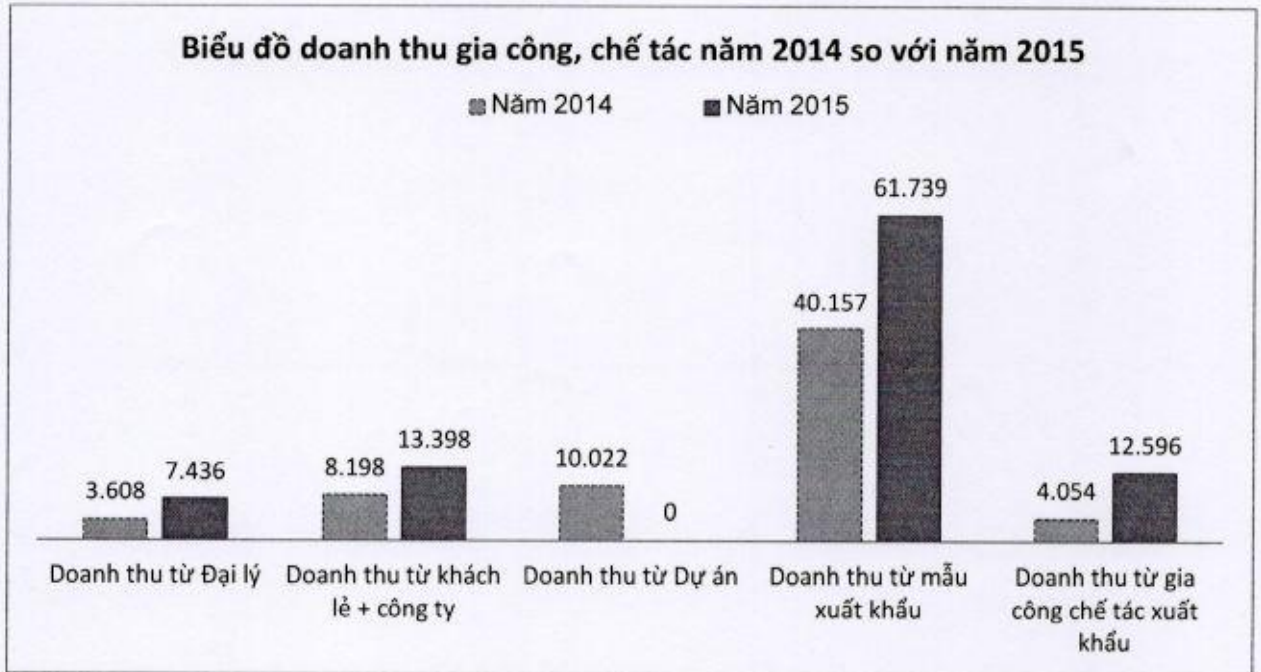
Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng trưởng
1	Tổng giá trị tài sản	99.091	115.233	16,29%
2	Tổng doanh thu	123.889	111.732	- 9,81%
3	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	121.405	108.200	- 10,88%
3.1	Doanh thu từ bán đá tấm	55.371	13.030	- 76,46%
3.2	Doanh thu từ gia công, chế tác	66.034	95.169	44,12%
a	Doanh thu từ Đại lý	3.608	7.436	106,10%
b	Doanh thu từ khách lẻ + công ty	8.198	13.398	63,431%
c	Doanh thu từ Dự án	10.022	0	
d	Doanh thu từ mẫu (xuất khẩu)	40.152	61.739	53,76%
e	Doanh thu từ gia công chế tác xuất khẩu	4.054	12.596	210,71%
4	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	14.383	21.951	52,62%
5	Lợi nhuận khác	69	64	- 7,37%
6	Lợi nhuận trước thuế	14.452	22.015	52,33%
7	Lợi nhuận sau thuế	13.334	21.229	59,21%
8	Số lao động bình quân năm (người)	121	144	19,00%
9	Thu nhập bình quân	8,238	8,794	6,74%

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2014 và 2015 của STV)

\* **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** giảm 10,88% tương đương 13.205 triệu đồng so với năm 2014 do: Doanh thu kinh doanh mặt hàng đá tấm Breton giảm 76,47% (42.336 triệu đồng). Tuy nhiên doanh thu sản xuất gia công, chế tác lại có mức tăng trưởng cao năm 2015 vẫn tăng 44,11% (29.130 triệu đồng) so với năm 2014 cụ thể như sau :

- Doanh thu từ gia công, chế tác đá mẫu xuất khẩu tăng trưởng 53,76% (21.572 triệu đồng),
- Doanh thu từ gia công, chế tác các đơn hàng dự án gia công, chế tác xuất khẩu tăng trưởng 210,71% (8.542 triệu đồng),
- Doanh thu từ gia công, chế tác các đơn hàng trong nước cho các Đại lý tăng trưởng 106,10% (3.828 triệu đồng),
- Doanh thu từ gia công, chế tác các đơn hàng trong nước cho các công ty xây dựng, nội thất, kiến trúc . . . và khách lẻ tăng trưởng 63,430% (5.200 triệu đồng).



\* **Doanh thu hoạt động tài chính** tăng 1.061 triệu đồng (70,44 %) do lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay tăng 1.671 triệu đồng; nhưng chênh lệch tỷ giá lại giảm 611 triệu đồng.

\* **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** năm 2015 tăng 7.895 triệu đồng (59,21%) so năm 2014 do doanh thu bán hàng gia công, chế tác tăng cao; doanh thu hoạt động tài chính tăng, giá thành sản xuất cũng như chi phí quản lý, chi phí bán hàng giảm (tỷ trọng trên doanh thu giảm).

\* **Thu nhập bình quân** của người lao động trong Công ty được cải thiện tăng hơn so với năm 2014 với mức tăng trưởng 6,74 % (tăng 556.000 đồng/tháng/người)

❖ **Cơ cấu chi phí hoạt động SXKD qua các năm, tỷ trọng trên tổng doanh thu**

*Đơn vị tính: VND*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị	% doanh thu	Giá trị	% doanh thu
	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>123.888.580.241</b>		<b>111.731.763.690</b>	
	<i>Doanh thu đá tằm</i>	<i>55.371.404.031</i>		<i>13.030.190.278</i>	
	<i>Doanh thu gia công, chế tác</i>	<i>66.033.780.880</i>		<i>95.169.400.152</i>	
	<i>Doanh thu khác</i>	<i>2.483.395.330</i>		<i>3.532.173.260</i>	
1	Giá vốn hàng bán	97.250.630.665	78,5%	80.457.270.975	72,01%
	<i>Giá vốn đá tằm (hàng hóa)</i>	<i>51.052.372.289</i>	<i>92,19%</i>	<i>12.665.837.192</i>	<i>97,20%</i>

	<i>Giá vốn gia công, chế tác và khác</i>	46.198.258.376	69,96%	67.791.433.783	71,23%
2	Chi phí bán hàng	3.193.453.695	2,58%	1.806.928.421	1,62%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.709.093.456	6,22%	6.442.744.194	5,77%
4	Chi phí tài chính	374.498.027	0,30%	107.799.390	0,10%
5	Chi phí khác	908.487.334	0,73%	901.788.619	0,81%
	<b>Tổng chi phí</b>	<b>109.436.163.177</b>	<b>88,33%</b>	<b>89.716.531.599</b>	<b>80,30%</b>

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2014 và 2015 của STV)

\* **Giá vốn hàng bán** giảm 16.793 triệu đồng, do doanh thu giảm dẫn đến giá vốn giảm tương ứng theo

\* **Chi phí bán hàng** năm 2015 giảm 1.387 triệu đồng so với năm 2014 (ứng 0,96% đây là tỷ lệ % chi phí bán hàng trên tổng doanh thu). Đây là khoản chi phí cước vận chuyển, phí THC, phí chứng từ . . . Nguyên nhân là do Công ty năm 2015 chỉ xuất khẩu đá tấm với giá trị là 13.030 triệu đồng, thấp hơn so với năm 2014 là 42.336 triệu đồng.

\* **Chi phí quản lý** trong năm 2015 giảm (1.266 triệu đồng) và xét trên tỉ trọng doanh thu giảm hơn so với năm 2014 là 0,46%, do giảm được chi phí tiền lương cho nhân viên quản lý (927 triệu đồng) mặc dù năm nay doanh thu gia công, chế tác tăng cao nhưng các chi phí khác lại không tăng.

\* **Chi phí hoạt động tài chính** năm 2015 giảm 267 triệu đồng đây là khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của năm 2014.

#### *Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty*

##### ✓ **Khó khăn, hạn chế**

- Công tác phát triển thị trường đang trong quá trình thúc đẩy, xúc tiến ban đầu, sản phẩm của Công ty chưa được quảng bá rộng rãi trên thị trường Việt Nam nên chưa được nhiều người tiêu dùng biết đến.

- Công tác phát triển các đại lý chưa đạt hiệu quả cao. Hiện tại chỉ một số đại lý kinh doanh mang lại hiệu quả còn lại hầu như chỉ mang tính chất quảng cáo các sản phẩm của Công ty mà chưa có được hiệu quả kinh doanh.

- Sản phẩm của Công ty được chế tác từ nguyên liệu là vật liệu cao cấp của Công ty CP Vicostone, Công ty CP Style stone nên giá thành của sản phẩm tương đối cao so với sản phẩm cùng loại được chế tác từ đá tự nhiên, đá nhân tạo của Trung Quốc do đó đã ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh về giá của sản phẩm tại thị trường trong nước.

- Công tác thâm nhập vào thị trường là các dự án xây dựng chung cư, toà nhà cao tầng còn hạn chế.

- Sản phẩm tập trung vào mặt bàn bếp và hiện tại vẫn đang phụ thuộc vào các đơn vị cung cấp tủ gỗ.

- Thị trường bất động sản trong giai đoạn hiện tại hết sức trầm lắng, một số dự án, công trình xây dựng bị đình trệ hoặc tạm dừng triển khai do thiếu vốn ảnh hưởng đến sức tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

✓ **Thuận lợi:**

- Bộ máy quản lý của Công ty đã từng bước được kiện toàn, nhân sự được sắp xếp lại bằng việc bổ sung những cán bộ mới trẻ vào các vị trí quản lý chủ chốt, ổn định về nhân sự giúp cho Công ty hoạt động tốt và hiệu quả hơn

- Uy tín thương hiệu Vicostone dần được nâng cao trên thị trường quốc tế.

- Sản phẩm có nhiều ưu điểm vượt trội trong ứng dụng nội thất, đặc biệt bàn bếp.

- Công ty đã tập trung mọi biện pháp, phát huy tối đa nội lực, tận dụng thời cơ kinh doanh nhằm ổn định sản xuất, tạo đà phát triển cho doanh nghiệp, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm so với các sản phẩm cùng loại trên thị trường vật liệu trong và ngoài nước.

## 1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Tình hình thực hiện so với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 được thể hiện với một số chỉ tiêu như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015			Tỷ lệ tăng trưởng so với năm 2014 %
				Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % đạt TT/KH	
1	Tổng Doanh thu	Tr đồng	123.889	107.332	111.732	104,09%	- 9,81%
	<i>Gia công, chế tác và khác</i>	<i>Tr đồng</i>	<i>68.518</i>	<i>107.332</i>	<i>98.702</i>	<i>91,95%</i>	<i>44,05%</i>
	<i>Bán sản phẩm đá tấm</i>	<i>Tr đồng</i>	<i>55.371</i>	<i>0</i>	<i>13.030</i>		<i>-76,46%</i>
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	14.452	19.185	22.015	114,75%	52,33%
3	Vốn chủ sở hữu bình quân	Tr đồng	76.481	94.109	100.409	106,69%	6,69%
4	Số lao động có đến cuối kỳ báo cáo	Người	128	161	152	94,40%	18,75%
5	Thu nhập bình quân người/tháng	1.000 đ	8.238	8.580	8.794	102,49%	6,74%

Nhìn từ các chỉ tiêu cơ bản được tổng hợp trong bảng trên, Công ty CP chế tác đá Việt Nam đã hoàn thành kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đặt ra; cũng như tăng trưởng hơn so với năm 2014. Đây cũng là kết quả khá quan trọng trong bối cảnh nền kinh tế vẫn đang gặp rất nhiều khó khăn và là nền tảng cho chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty trong những năm tiếp theo.

**2. Tổ chức và nhân sự****2.1 Danh sách Ban điều hành**

Ông Nguyễn Minh Hồng	Ủy viên HĐQT – Giám đốc
Ông Ninh Quốc Cường	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Đức Hạnh	Kế toán trưởng

**Ông Nguyễn Minh Hồng - Ủy viên HĐQT/ Giám đốc công ty**

Họ và tên	<b>Nguyễn Minh Hồng</b>
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	03/04/1980
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phúc Thành - Vũ Thư – Thái Bình
Địa chỉ thường trú	P2003-CT2A, Khu đô thị Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội
Chứng minh nhân dân	017479005 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 23/02/2013
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện
<b>Quá trình công tác</b>	
09/2002 – 04/2005	Trợ lý Giám đốc, Phụ trách kỹ thuật – Công ty CP Thiết bị điện Tân Phát
06/2005 – 03/2006	Chuyên viên phòng kỹ thuật – Tổng Công ty CP Gas Petrolimex
04/2006 – 09/2008	Phụ trách dịch vụ khách hàng văn phòng đại diện phía Bắc – Công ty TNHH MHE-Demag Việt Nam
10/2008 – 02/2010	Trợ lý Giám đốc – Công ty Liên doanh Style Stone
03/2010 – 04/2011	Trợ lý Giám đốc, trưởng phòng KDXNK - Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex
05/2011 – 09/2013	Giám đốc – Công ty TNHH Halin
10/2013 – 10/2014	Quyền Giám đốc – Công ty CP Phượng Hoàng Xanh A&A
11/2014 – đến nay	Giám đốc Công ty cổ phần Chế tác đá Việt Nam - Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ hiện nay	Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không

Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức đăng ký giao dịch)	Không
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Kế hoạch chi trả thù lao 2015 được ĐHDCĐ thường niên năm 2015 thông qua: 2.500.000đ/tháng
Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch	Không

**Ông Ninh Quốc Cường - Ủy viên HĐQT / Phó Giám đốc công ty**

Họ và tên	<b>Ninh Quốc Cường</b>
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	02/6/1962
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Yên Ninh – Ý Yên – Nam Định
Địa chỉ thường trú	Số nhà 44, TT Viện Thiết kế, xã Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội
Chứng minh nhân dân	013171863 do Công an Hà Nội cấp ngày 28/03/2009
Trình độ chuyên môn	Công nhân mộc
<b>Quá trình công tác</b>	
02/1983 - 05/1986	Là Bộ đội
03/1989 - 04/1990	Giáo viên trường Công nghiệp Kinh tế Xây dựng Hà Nam Ninh
05/1990 - 02/1994	Làm việc tại Xưởng mộc Vinaconex
03/1994 - 08/1996	Làm việc tại Libya
08/1997 - 02/1998	Làm việc tại Xưởng mộc Công ty VINATA
03/1998 - 02/2001	Làm việc tại Nhật Bản
06/2001-10/2002	Đội trưởng đội mộc Công ty Liên doanh VINATA
11/2002 – 05/2003	Làm việc tại Phân xưởng sản xuất Công ty VINADECOR
06/2003 - 04/2008	Quản đốc Phân xưởng sản xuất Công ty VINADECOR
05/2008 – 09/2009	Quản đốc Phân xưởng sản xuất kiêm Phó Trưởng Ban quản lý dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất, chế tác đá trang trí nội thất” thuộc Công ty STONE VIETNAM
10/2009 – 08/2012	Phó Giám đốc, kiêm Quản đốc Phân xưởng sản xuất Công ty STONE VIETNAM



09/2012 – đến nay	Ủy viên HĐQT- Phó Giám đốc Công ty STONE VIETNAM
Chức vụ hiện nay	Ủy viên HĐQT- Phó Giám đốc Công ty STONE VIETNAM
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức đăng ký giao dịch)	2.500 cổ phần chiếm 0,03% vốn điều lệ
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Kế hoạch chi trả thù lao 2015 được ĐHCĐ thường niên năm 2015 thông qua: 2.500.000đ/tháng
Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch	Không

**Bà Trần Thị Đức Hạnh – Kế toán trưởng Công ty**

Họ và tên	<b>Trần Thị Đức Hạnh</b>
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	23/02/1974
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Tân Lễ - Hưng Hà – Thái Bình
Địa chỉ thường trú	Số 15 Ngõ 66 Trung Văn – Trung Văn – Nam Từ Liêm – TP. Hà Nội
Chứng minh nhân dân	011759694 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 27/08/2010
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
<b>Quá trình công tác</b>	
10/1995 – 11/2005	Nhân viên Kế toán Trung tâm Khoa học Công nghệ môi trường giao thông (Viện khoa học công nghệ môi trường giao thông) – Trường Đại học Giao thông Vận tải
12/2005 – 7/2008	Nhân viên Phòng Tài chính - Kế hoạch, kiêm Trưởng Ban nữ công – Ủy viên ban chấp hành Công đoàn Công ty CP Vicostone.
8/2008 – 11/2011	Phó trưởng phòng Phòng Tài chính – Kế hoạch, kiêm Trưởng Ban nữ công – Ủy viên Ban chấp hành công đoàn Công ty Công ty CP Vicostone;
12/2011 – 10/2014	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam – Trưởng Ban Quan hệ cổ đông;
11/2014 – đến nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

Chức vụ hiện nay	Trưởng Ban Quan hệ cổ đông Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam Trưởng Ban Quan hệ cổ đông;
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức đăng ký giao dịch)	2.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,031%
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch	Không

## 2.2 Những thay đổi thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

### Hội đồng quản trị

- Phê chuẩn việc xin từ nhiệm chức vụ ủy viên Hội đồng quản trị và tư cách thành viên Hội đồng quản trị của Ông Nguyễn Xuân An theo Nghị quyết số 01/2015/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 18/03/2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015.
- Phê chuẩn việc xin từ nhiệm chức vụ ủy viên Hội đồng quản trị và tư cách thành viên Hội đồng quản trị của Ông Phí Anh Dũng theo Nghị quyết số 01/2015/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 18/03/2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015.
- Phê chuẩn kết quả bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị của Ông Nguyễn Minh Hồng theo Nghị quyết số 01/2015/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 18/03/2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015.
- Phê chuẩn kết quả bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị của Ông Đỗ Quang Bình theo Nghị quyết số 01/2015/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 18/03/2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015.

### Ban Giám đốc

- Không có sự thay đổi

## 2.3. Công tác nhân sự và những chính sách đối với người lao động

Tính đến ngày 31/12/2015 tổng số lao động của Công ty Stone Vietnam có 152 người (bao gồm cả lao động thời vụ), trong đó lao động nam là 110 người chiếm 72,36%, lao động nữ 42 người chiếm 27,64%. Cơ cấu lao động được phân theo trình độ như sau:

TT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Thạc sỹ	03	1,97
2	Đại học	33	21,71
3	Cao đẳng và trung cấp	25	16,45
4	Công nhân kỹ thuật	75	49,34
5	Lao động phổ thông	16	10,53
<b>Tổng cộng</b>		<b>152</b>	<b>100,00</b>

✓ Các chế độ chính sách đối với người lao động luôn luôn được Công ty chú trọng và thực hiện nghiêm túc, thể hiện ở các điểm sau:

- Công ty luôn đảm bảo công việc đều đặn cho toàn thể CBCNV, mức thu nhập bình quân tăng dần theo năm cụ thể:

+ Năm 2013: 7.772.000 đồng/người/tháng

+ Năm 2014: 8.238.000 đồng/người/tháng

+ Năm 2015: 8.794.000 đồng/người/tháng

- Thực hiện nghiêm túc các chế độ làm việc cho CBCNV như: bồi dưỡng làm ca 2, chế độ khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, chế độ trợ cấp ốm đau, thai sản...đảm bảo tuân thủ các chế độ đối với người lao động trong công ty theo đúng quy định của pháp luật về lao động, hợp đồng lao động và thoả ước lao động tập thể. Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ kịp thời cho người lao động.

- Thường xuyên chăm lo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV trong toàn công ty: tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao, thực hiện nếp sống văn minh lịch sự.

- Thăm hỏi động viên kịp thời CBCNV khi có việc hiếu hỷ, ốm đau, tổ chức quyên góp giúp đỡ CBCNV gặp hoàn cảnh khó khăn ...thể hiện tinh thần “lá lành đùm lá rách”.

- Công tác an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp được đặc biệt quan tâm chú trọng, việc huấn luyện an toàn lao động và trang bị bảo hộ cho người lao động được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ.

✓ Chuẩn bị đội ngũ kế thừa, đảm bảo sự tiếp nối vững chắc giữa các thế hệ cán bộ công nhân viên nói chung và các cấp quản trị nói riêng.

✓ Tuyển dụng thêm kỹ sư, cử nhân, công nhân có trình độ, đào tạo lại và đào tạo bồi dưỡng thêm trình độ chuyên môn, tay nghề cán bộ công nhân viên đảm bảo nguồn nhân lực cho chiến lược phát triển của Công ty.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### 3.1 Các khoản đầu tư lớn

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 18/03/2015 đã thông qua kế hoạch đầu tư năm 2015 với tổng mức đầu tư là 10,1 tỷ đồng được thực hiện từ quý II/2015; nguồn vốn

thực hiện đều là vốn tự có; các hạng mục đầu tư chủ yếu tập chung cho khu vực phân xưởng sản xuất nhằm nâng cao năng lực sản xuất, an toàn về PCCC, bụi, mùi và tạo môi trường cảnh quan làm việc cũng như nâng cao chất lượng sống cho CBCNV trong Công ty, gồm những hạng mục dự án chính sau:

- ✓ Máy sấy đá phục vụ cho công tác sấy đá mẫu với giá trị : 0,13 tỷ đồng
- ✓ Máy mài bóng đá phục vụ cho công tác mài bóng 2 cạnh của đá mẫu với giá trị : 0,23 tỷ đồng
- ✓ Máy mài bóng đá và cắt đá (máy mài V9) phục vụ cho công tác cắt đá tấm và mài bóng đá với giá trị : 1,05 tỷ đồng
- ✓ Dự án đầu tư hệ thống PCCC có giá trị : 0,7 tỷ đồng
- ✓ Dự án đầu tư xây dựng công chính, công phía nam, hàng rào và nhà để xe cho CBCNV : 2,5 tỷ đồng
- ✓ Đầu tư mua 01 xe ô tô khách 47 chỗ ngồi : 2,9 tỷ đồng
- ✓ Đầu tư mua 01 xe pickup : 0,7 tỷ đồng
- ✓ Dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt : 0,6 tỷ đồng
- ✓ Dự án đầu tư mua 02 máy cắt cầu : 1,2 tỷ đồng
- ✓ Ngoài ra còn mua một số máy móc thiết bị cầm tay cũng như nâng cấp máy móc thiết bị hiện có khác để phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất của Công ty

Việc thực hiện mua sắm máy móc thiết bị được thực hiện theo đúng quy trình, quy phạm, đáp ứng được tiến độ, chất lượng và hiệu quả trong quá trình đầu tư.

### 3.2 Các công ty con, công ty liên kết : Không có

## 4. Tình hình tài chính

### 4.1 Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Tr đồng	99.091	115.233	16,29%
2	Tổng Doanh thu	Tr đồng	123.889	111.732	- 9,81%
	<i>Gia công, chế tác và khác</i>	<i>Tr đồng</i>	68.518	98.702	44,05%
	<i>Bán sản phẩm đá tấm</i>	<i>Tr đồng</i>	55.371	13.030	- 76,47%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	14.452	22.015	52,33%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	13.334	21.229	59,21%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm	đồng	2.061	2.875	39,49%
6	Thu nhập bình quân người/tháng	1.000 đ	8.238	8.794	6,74%

## 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Công thức tính	Năm 2014	Năm 2015	% thay đổi
<b>1. Các hệ số thanh toán</b>				
Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (lần)	Tổng tài sản/Tổng Nợ phải trả	15,11	16,58	9,69%
Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn (lần)	Tài sản ngắn hạn/Tổng Nợ ngắn hạn	11,72	12,77	8,99%
Hệ số khả năng thanh toán nhanh (lần)	(Tài sản ngắn hạn - HTK)/Tổng Nợ ngắn hạn	6,51	9,65	48,23%
<b>2. Các hệ số cơ cấu vốn</b>				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,066	0,060	-8,84%
Hệ số Nợ/ Vốn CSH	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,071	0,064	-9,40%
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	1,837	2,883	56,96%
Vòng quay các khoản phải thu (vòng)	Doanh thu thuần/Số dư bình quân các khoản phải thu	6,113	5,408	-11,53%
Vòng quay vốn chủ sở hữu (vòng)	Doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu	1,312	0,999	-23,84%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (vòng)	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,225	0,939	-23,36%
<b>4. Tỷ suất sinh lời</b>				
Tỷ suất sinh lời trên doanh thu	LNST/Doanh thu thuần	10,98%	19,62%	78,64%
Tỷ suất sinh lời trên vốn đầu tư của chủ sở hữu	LNST/Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17,43%	21,14%	21,27%
Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA)	LNST/Tổng Tài sản	12,63%	19,81%	56,86%
Tỷ suất lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	11,85%	20,29%	71,24%
Thu nhập trên cổ phần (đồng)		2.061	2.875	39,49%

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2014 và 2015)

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

## 5.1 Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành : 6.512.750 cổ phần

Trong đó : - Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 6.512.750 cổ phần  
 - Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần

## 5.2 Cơ cấu cổ đông

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (tính đến ngày 31/12/2015)

STT	Tên cổ đông	Số ĐKKD/CMT	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần VICOSTONE	Số 030300029 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2005	Khu Công nghệ cao Hoà Lạc, xã Thạch Hoà, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội	2.044.800	31,40%
2	Công ty Cổ phần Phương Hoàng xanh A&A	Số 0104961939 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 10 năm 2010	Số 167, Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, VN	3.292.350	50,55%
<b>Tổng</b>				<b>5.337.150</b>	<b>81,95%</b>

Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 31/12/2015)

STT	Tên cổ đông	Số ĐKKD/CMT	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần VICOSTONE	Số 0303000293 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2005	Khu Công nghệ cao Hoà Lạc, Thạch Hoà, Thạch Thất, Hà Nội	2.044.800	31.40%
2	Phạm Minh Hùng	Số CMT 012016143 cấp ngày 05/03/2004 tại Hà Nội	Tổ 15, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	200.000	3.07%
3	Phạm Trí Dũng	Số CMT 161914249 cấp ngày 14/6/2007 tại Nam Định	Xã Hải Lý, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	8.100	0.12%
<b>Tổng</b>				<b>2.252.900</b>	<b>34,59%</b>

Cờ cầu cổ đông tính đến ngày 31/12/2015

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sáng lập	2.252.900	22.529.000.000	34,59%
2	Cổ đông phổ thông khác	4.259.850	42.598.500.000	65,41%
	<b>Tổng</b>	<b>6.512.750</b>	<b>65.127.500.000</b>	<b>100,00%</b>
1	Cổ đông trong nước	6.512.650	65.126.500.000	99,998%
2	Cổ đông nước ngoài	100	1.000.000	0,002%
	<b>Tổng</b>	<b>6.512.750</b>	<b>65.127.500.000</b>	<b>100,00%</b>
1	Cổ đông pháp nhân	5.337.150	53.371.500.000	81,95%
2	Cổ đông thể nhân	1.175.600	11.756.000.000	18,05%
	<b>Tổng</b>	<b>6.512.750</b>	<b>65.127.500.000</b>	<b>100,00%</b>
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
2	Cổ đông khác	6.512.750	65.127.500.000	100,00%
	<b>Tổng</b>	<b>6.512.750</b>	<b>65.127.500.000</b>	<b>100,00%</b>

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : Không có

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không có

5.5 Các chứng khoán khác : Không có

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 và năm 2015

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	99,09	115,23
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	92,56	108,28
	<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>65,127</i>	<i>65,127</i>
3	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	123,889	111,732
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	14,452	22,015
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13,334	21,229
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	17,43	21,14
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	12,63	19,81

8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu lưu hành bình quân (EPS)	VNĐ	2.061	2.875
9	Lao động & Tiền lương			
	<i>Lao động có đến cuối kỳ báo cáo</i>	<i>Người</i>	<i>128</i>	<i>152</i>
	<i>Thu nhập bình quân người/tháng</i>	<i>1.000 đ</i>	<i>8.238</i>	<i>8.794</i>

Trong năm 2015 Ban Giám đốc Công ty luôn chú trọng các giải pháp nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh; kiểm soát và tiết giảm chi phí; hoạt động đầu tư và phát triển nguồn nhân lực. Nhiều chỉ tiêu tăng trưởng năm sau hơn năm trước cụ thể như : Doanh thu về gia công, chế tác năm 2015 đạt 95,169 tỷ đồng tăng 44,12% so với năm 2014 (66,034 tỷ đồng); Lợi nhuận sau thuế năm 2015 là 21,229 tỷ đồng tăng 59,21% so với năm 2014 (13,354 tỷ đồng)

Kết thúc năm 2015, Công ty đã hoàn thành kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 18 tháng 3 năm 2015; dưới sự chỉ đạo Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc công ty đã thực hiện một số giải pháp điều hành như sau:

+ Cân đối định mức hàng tồn kho hợp lý để tối đa hóa nhu cầu vay ngắn hạn, hạn chế chi phí lãi vay cũng như giảm thiểu rủi ro biến động của tỷ giá.

+ Kiểm soát, theo dõi và dự báo các diễn biến về giá nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế, dịch vụ mua ngoài để từ đó quyết định số lượng và thời điểm mua nguyên liệu hợp lý, đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh với giá mua tốt nhất và chất lượng phù hợp, hạn chế tối đa ảnh hưởng của giá nhằm tiết giảm chi phí đầu vào cho Công ty.

+ Rà soát lại định mức sản xuất và kiểm tra việc thực hiện định mức hàng tháng, quý, bán niên để điều chỉnh, hoàn thiện kịp thời. Xây dựng các cơ chế khen thưởng phù hợp nhằm khuyến khích các phòng ban, cá nhân nỗ lực tìm tòi, đưa ra những sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hạ giá thành.

+ Thường xuyên đánh giá hạn mức công nợ, phân loại; Theo dõi, đôn đốc thu hồi nợ để hạn chế tối đa nợ phải thu quá hạn và giảm thiểu rủi ro nợ phải thu.

+ Nâng tầm thương hiệu bằng việc tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước về vật liệu xây dựng.

+ Định kỳ thực hiện bảo dưỡng máy móc thiết bị; kiểm tra thường xuyên việc thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ.

+ Đầu tư máy móc thiết bị nhằm nâng cao hơn nữa năng lực sản xuất, tạo điều kiện để tăng sản lượng bán hàng.

+ Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, đào tạo nội bộ, đào tạo kỹ năng và đánh giá định kỳ . . .



## 2. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Công ty hạch toán kế toán theo đúng Luật kế toán hiện hành.

### ❖ Tình hình tài sản

Đơn vị: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>49.913.167.281</b>	<b>30.890.773.212</b>	<b>19.022.394.069</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	31.064.738.966	17.815.321.454	13.249.417.512
2	Máy móc thiết bị	16.078.541.857	11.330.137.818	4.748.404.039
3	Phương tiện vận tải	2.536.788.785	1.682.623.026	854.165.759
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	233.097.673	62.690.914	170.406.759
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	-	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>49.913.167.281</b>	<b>30.890.773.212</b>	<b>19.022.394.069</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015)

### ❖ Trích khấu hao TSCĐ

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình và vô hình. TSCĐ được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	08 - 11
Máy móc thiết bị	05 - 11
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

### ❖ Vốn điều lệ và vốn kinh doanh

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
Vốn điều lệ	45.127.500.000	65.127.500.000	65.127.500.000
Vốn chủ sở hữu	60.426.162.125	92.534.688.951	108.282.571.036

### ❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các khoản nợ phải trả, không có khoản nợ quá hạn trên một năm.

## ❖ Các khoản phải thu

Đơn vị: Đồng

TT	Nội dung	31/12/2014	31/12/2015	% thay đổi
1	Phải thu của khách hàng	12.370.233.639	7.601.656.731	- 38,55%
2	Trả trước cho người bán	0	1.292.653.495	
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	23.000.000.000		
4	Các khoản phải thu khác	825.849.086	95.000.000	-88,50%
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	- 2.036.275.273	- 3.135.043.385	53,96%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>34.159.807.452</b>	<b>5.854.266.841</b>	<b>- 82,86%</b>

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2014 và 2015)

## ❖ Các khoản phải trả

Đơn vị: Đồng

TT	Nội dung	31/12/2014	31/12/2015	% thay đổi
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>6.555.969.370</b>	<b>6.950.318.748</b>	<b>6,02%</b>
1	Phải trả người bán	2.924.807.509	215.729.461	- 92,62%
2	Người mua trả tiền trước	278.813.834	745.504.988	167,38%
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	99.988.089	436.375.113	336,43%
4	Phải trả người lao động	2.378.812.541	296.722.549	- 87,53%
5	Chi phí phải trả	98.583.333	40.000.000	- 59,43%
6	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	103.132.652	4.026.696.136	3804,39%
7	Quỹ khen thưởng phúc lợi	671.831.412	1.189.290.501	77,02%
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Vay và nợ dài hạn	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6.555.969.370</b>	<b>6.950.318.748</b>	<b>6,02%</b>

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2014 và 2015)

## ❖ Tình hình dư nợ vay tại ngày 31/12/2015: Công ty không phải vay.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Theo định hướng quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2020, đá ốp lát là một trong những vật liệu xây dựng cơ bản được Nhà nước chú trọng phát triển.

Nắm vững định hướng phát triển của Nhà nước, STONE VIET NAM đã đầu tư thiết bị máy móc hiện đại, tự động hoá trong sản xuất, tạo ra các sản phẩm chất lượng cao, kích thước

lớn, đa dạng về màu sắc và chủng loại để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước, cạnh tranh với một số sản phẩm đá ốp lát nhập khẩu từ nước ngoài.

Công ty cũng đang đẩy mạnh công tác thị trường, quảng bá sản phẩm để thâm nhập thị trường trong nước ở phân khúc trung và cao cấp, từng bước phát triển mạng lưới phân phối sản phẩm chế tác gắn liền với lĩnh vực trang trí nội thất và hàng gia dụng liên quan thông qua các đại lý cung cấp nội thất và hàng gia dụng, tăng cường khảo sát, tiếp cận các dự án bất động sản để giới thiệu và cung cấp sản phẩm.

Công ty đã duy trì sự ổn định về cơ cấu, chính sách, quản lý đồng thời phát triển công tác đào tạo nội bộ, nâng cao chất lượng của nhân viên.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Trong tương lai Công ty sẽ đẩy mạnh hơn nữa hoạt động kinh doanh với nhiệm vụ sau:

- Tăng cường tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường;
- Phát triển hệ thống đại lý tại các vùng miền;
- Trở thành nhà cung cấp có uy tín cho các dự án lớn, công trình trọng điểm ở Việt Nam;
- Đẩy mạnh công tác xuất khẩu;
- Triển khai các hoạt động quảng cáo;
- Phát triển nguồn nhân lực;
- Chăm lo đời sống của người lao động về vật chất và tinh thần;
- Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, quản lý chi phí có hiệu quả.

#### **5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán : Không có**

### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

##### ***\* Hoạt động của công tác tổ chức – nhân sự và đào tạo***

- Để xây dựng thành công thương hiệu, tạo dựng uy tín của một doanh nghiệp, Công ty xác định được tầm quan trọng của nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố quyết định, do vậy để đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao Công ty luôn chú trọng tạo ra môi trường lành mạnh và thuận lợi cho người lao động cảm thấy yên tâm, tin tưởng, được tôn trọng, có cơ hội học tập, đào tạo nâng cao trình độ và được thừa nhận thành quả đóng góp là một trong những điểm cốt yếu trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực.

- Trong năm 2015 Ban lãnh đạo Công ty chỉ đạo hoàn thiện Bộ máy quản lý và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đẩy mạnh, xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp, nhạy bén trước các điều kiện kinh tế của thị trường bằng các hoạt động như :

- Tuyển dụng nhân sự có chất lượng cao bổ sung cho các vị trí then chốt như Phân xưởng sản xuất, phòng Kinh doanh vật tư (Kỹ sư dịch vụ service, kỹ sư quản lý máy móc thiết bị, nhân viên kinh doanh)

- Tổ chức thực hiện các đợt đào tạo nhân viên trong công ty nhằm nâng cao năng lực nhận lực hiện có đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của Công ty : Đào tạo kỹ năng mềm cho CBQL, đào tạo quản lý sản xuất, cải tiến liên tục.

- Ngoài việc chú trọng công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực thông qua các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ CBCNV. Bên cạnh đó, việc duy trì chính sách lương, thưởng hợp lý và công bằng sẽ là đòn bẩy kích thích tinh thần và thu hút nhân tài.

- Hoàn thiện Hệ thống văn bản pháp quy trong Công ty; quy định rõ ràng, cụ thể chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban chuyên môn, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của thực tế, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của từng đơn vị cụ thể.

- Thực hiện phân cấp, phân quyền sâu hơn cho các đơn vị trực thuộc nhằm tăng tính chủ động, trách nhiệm của các đơn vị.

- Thống kê sự thay đổi của nhân sự toàn Công ty năm 2015

TT	Chức danh	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm	Các Phòng Ban				
						TC HC	TCK T	KD-VT	PXSX	P.Q LCL
1	Ban lãnh đạo	3			3	2	1			
2	Trưởng phòng, Quản đốc PX	2	1	1	2			1	1	
3	Phó phòng	1			1	1				
4	Thạc sỹ	3			3	2		1		
5	Kỹ sư	7	2	2	8	0		3	4	1
6	Cử nhân	16	4		19	4	5	6	2	2
7	CD, TC, SC	6		1	5		1	2	2	
8	Công nhân trực tiếp	83	32	10	105	2		1	96	6
9	Công nhân gián tiếp	7	2	3	6	6				
<b>Tổng hợp</b>		<b>128</b>	<b>41</b>	<b>17</b>	<b>152</b>	<b>17</b>	<b>7</b>	<b>14</b>	<b>105</b>	<b>9</b>

#### **\*Hoạt động công tác Tài chính - Kế toán**

- Tổ chức ổn định được bộ máy kế toán, đào tạo nhân viên kế toán đảm bảo đáp ứng được công việc, hiện nay với yêu cầu từng phần hành kế toán mọi người đều làm việc độc lập được. Công tác quản lý tài chính được thực hiện đầy đủ nghiêm túc và đúng pháp luật, không vi

phạm chế độ chính sách của Nhà nước về quản lý tài chính. Thực hiện ghi chép, phản ánh tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty thông qua các nghiệp vụ kinh tế..

- Về công tác hạch toán và Báo cáo Tài chính: Luôn cập nhật số liệu đầy đủ, chính xác, nên Báo cáo Tài chính được lập chính xác, kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý

- Về công tác Quản trị chi phí: Năm 2015, Phòng TCKT đã phân công chuyển hẳn 01 nhân sự phụ trách công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất (rà soát các định mức về tiêu hao NVL, năng suất lao động ở bộ phận, thực hiện kiểm soát lỗi từng đơn hàng, dự án). Mặc dù là vị trí mới nhưng Phòng đã có nhiều cố gắng và thực hiện theo đúng chức năng nhiệm vụ phân công và đem lại một số hiệu quả tích cực theo yêu cầu quản trị của Ban Lãnh đạo (Kiểm soát chi phí cho từng công đoạn tốt hơn, nâng cao tỷ lệ thu hồi phôi, công tác kiểm soát định mức, năng suất sát với thực tế hơn...). Đồng thời, trong 6 tháng cuối năm 2015, Phòng đã tham gia cùng PXSX và TCHC xây dựng phương án tính lương khoán cho sản phẩm đến công đoạn cuối cùng làm tăng năng suất và nâng cao hiệu quả lao động, nâng cao thu nhập cho CBCNV

- Về nghiệp vụ Ngân hàng: Luôn đảm bảo nguồn vốn đầy đủ phục vụ nhu cầu SXKD, không phải vay vốn ngân hàng và không để xảy ra tình trạng phải ngừng SX do thiếu vốn. Việc quản lý tài chính, cơ cấu nguồn vốn khoa học đảm bảo hiệu quả tốt nhất, đồng thời tạo được uy tín và sự tin tưởng của các Ngân hàng nơi Công ty giao dịch.

- Công tác Báo cáo và thực hiện chế độ báo cáo với UBCK Sờ GDCK, CTCP Phương Hoàng Xanh A&A, CTCP Vicostone: Định kỳ hàng quý các Báo cáo Tài chính được lập đầy đủ, chính xác, nộp đúng thời hạn. Các chế độ báo cáo khác thực hiện đầy đủ - không vi phạm chế độ báo cáo theo quy định của UBCK và sở giao dịch chứng khoán Hà Nội..

- Hoàn thành tốt công tác kê khai và nộp ngân sách đúng thời hạn quy định. Năm 2015, Công ty đã được Cục thuế HN chấp thuận thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động sản xuất là 15% trong 12 năm kể từ năm Công ty bắt đầu đi vào hoạt động (từ năm 2008 đến 2019), được miễn 03 năm (từ năm 2008 đến năm 2010). Do vậy Công ty đã làm hồ sơ xin hoàn số thuế đã nộp từ năm 2010 đến 2013 với số tiền là 1.1 tỷ đồng.

- Trong 03 năm liên tục (từ năm 2012 đến năm 2014) Công ty luôn được Cục thuế Thành Phố Hà Nội tặng Giấy khen là đơn vị tiêu biểu chấp hành tốt nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước. Số thuế phải nộp và đã nộp của năm 2015 của Công ty là:

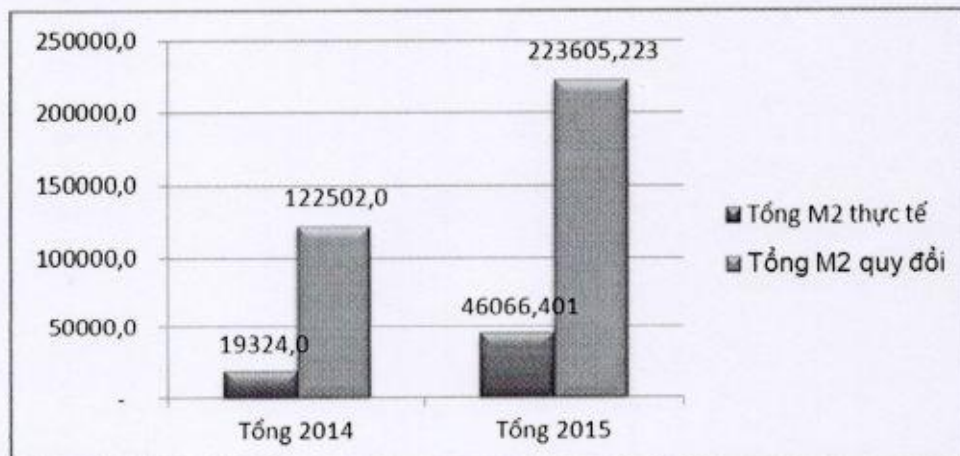
Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.456.594.998	1.028.491.379	428.103.619
Thuế GTGT hàng nhập khẩu và thuế nhập khẩu	-	244.138.364	244.138.364	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	87.507.218	786.260.326	1.418.827.354	- 545.059.810
Thuế thu nhập cá nhân	12.480.871	274.949.472	279.158.849	8.271.494
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>99.988.089</b>	<b>2.764.943.160</b>	<b>2.973.615.946</b>	<b>- 108.684.697</b>

**\*Hoạt động về công tác điều hành sản xuất, kỹ thuật**

- Bảng so sánh tổng sản lượng năm 2015 với năm 2014:

STT	Thông số	Tổng 2014	Tổng 2015	Tăng/ giảm	Ghi chú
1	Viên mẫu	1,926,406	2,608,156	135%	
2	M2 mẫu	15,333	31,705	207%	
3	M cắt mẫu		970,960		
4	Cuốn Binder	13,116	23,776	181%	
5	M2 quy đổi mẫu	85,254	145,472	171%	
6	M2 hàng lẻ khác	6,208	14,362	231%	
7	M2 QĐ hàng lẻ khác	37,248	78,133	210%	
8	M cắt hàng lẻ	56,354	99,396	176%	
9	Tổng m cắt	789,567	1,139,680	144%	
10	<b>Tổng M2 thực tế</b>	19,324	46,066	238%	
11	<b>Tổng M2 quy đổi</b>	122,502	223,605	183%	

Biểu đồ sản lượng:



- Được sự chỉ đạo của lãnh đạo Công ty và phương pháp quản lý 4M111E, sâu sát và quyết liệt và sự ủng hộ của CBCNV phân xưởng đã có 1 năm làm việc thành công với số liệu như sau:
- Sản lượng m2 mẫu năm 2015 tăng 207% so với năm 2014, sản lượng sp gắn ghép và gia công tăng 231%, số lượng Binder năm 2015 tăng 181% so với năm 2014.

- Nhân lực trung bình năm 2015 tăng 13,5% số người so với năm 2014 hiện tại phân xưởng đang có 106 nhân lực.
- Thiết kế chế tạo 01 băng tải chuyển mẫu có hệ thống sấy khí nóng giúp tăng năng suất 30%, thiết kế máy vát 2 góc giúp tăng năng suất 20%.
- Đầu tư hệ thống chiếu sáng đèn Led giúp đảm bảo ánh sáng làm việc ca 2, ca 3 rút ngắn thời gian giao hàng tiết kiệm điện năng, hiệu quả kinh tế, nhà xưởng chuyên nghiệp.
- Đầu tư máy mài 2 cạnh giúp tăng năng suất sp mẫu 100x10x7 lên 30%. Đầu tư máy mài 9 đầu mới đưa vào sử dụng và 02 máy cắt cầu mới.
- Năng suất lắp đặt năm nay tăng 160% so với năm 2014, tỷ lệ lỗi các đơn hàng lắp đặt giảm 50% so với năm 2014.
- Giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo từng tuần/tháng cho phân xưởng sản xuất. Hàng tuần kiểm sát và đánh giá việc thực hiện.
- Bảo dưỡng máy móc thiết bị theo kế hoạch linh hoạt theo kế hoạch sản xuất, lập kế hoạch mua phụ tùng thay thế tốt. Đào tạo công nhân bảo dưỡng sửa chữa chuyên nghiệp.
- Kiểm soát thường xuyên việc thực hiện các quy định an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ.
- Quản lý chất lượng đầu vào, thành phẩm đầu ra, kiểm soát các quá trình sản xuất một cách khoa học và nghiêm túc để đảm bảo chất lượng ổn định theo tiêu chuẩn.
- Kiện toàn hệ thống sản xuất, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao hoạt động của các máy móc thiết bị, tiết giảm tối đa chi phí tiêu hao nguyên vật liệu, đảm bảo sản xuất liên tục và an toàn
- Triển khai công tác đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng quản lý cho Quản đốc phân xưởng và các trường đơn vị, đào tạo quản lý sản xuất cho trường ca, tổ trưởng sx, đào tạo quy trình sản xuất, hướng dẫn lắp đặt, các tiêu chuẩn, các hướng dẫn an toàn và văn hóa doanh nghiệp cho toàn bộ cán bộ công nhân viên.

#### **\* Hoạt động về Công tác Kế hoạch - Thị trường**

- Bước vào năm 2015, kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, chưa ổn định và còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Trong bối cảnh như vậy, kế hoạch đặt ra cho Công ty trong năm 2015 là 105 tỷ đồng doanh thu, với lợi nhuận trước thuế là 19 tỷ đồng. Chính vì vậy ngay từ đầu năm Ban Lãnh đạo công ty đã đề ra các giải pháp cụ thể:

- Sản phẩm của Công ty ngày càng được người tiêu dùng biết đến rộng rãi thông qua các hệ thống đại lý, các dự án và công trình. Nhìn nhận được những thuận lợi đó Công ty đã kế hoạch chi tiết cho chiến lược phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm đá ốp lát nhân tạo trong và ngoài nước với tiêu chí “Chất lượng sản phẩm, dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng” là ưu tiên hàng đầu và cũng là yếu tố quyết định và tồn tại, phát triển của Công ty.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty hiện nay chủ yếu ở TP Hà Nội (98% tổng doanh thu trong nước) vì vậy Ban lãnh đạo Công ty đặt ra chiến lược phát triển mở rộng thị

trường tiêu thụ sản phẩm bằng việc thiết lập hệ thống bán hàng qua các đại lý tại các thành phố lớn như TP Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Bắc Ninh và các thành phố khác.

- Tăng cường mở rộng thị trường xuất khẩu để phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm ra thị trường nước ngoài. Công ty chủ yếu thực hiện sản xuất gia công, chế tác mẫu để xuất khẩu gián tiếp thông qua Công ty CP Viostone.

- Định hướng nhóm khách hàng tiêu thụ để đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp với từng giai đoạn kinh doanh.

- Định kỳ xem xét và điều chỉnh các mục tiêu ngắn hạn trên nguyên tắc định hướng chiến lược dài hạn là không thay đổi;

- Hoàn thiện công nghệ của riêng mình đảm bảo việc thực hiện đa dạng hoá trong chế tác các loại hình sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng và phù hợp với điều kiện Việt nam phù hợp với mọi công trình nhà ở.

- Thông qua các dự án bất động sản nhằm quảng bá sản phẩm, phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.

- Với sự nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể các CBCNV trong Công ty, cộng với sự hỗ trợ từ phía Công ty CP Vicostone. Năm 2015, Công ty CP Chế tác đá Việt Nam đã hoàn thành doanh thu để ra ở một số mục cụ thể như sau :

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014 (triệu đồng)	Năm 2015 (triệu đồng)	Tăng trường
<b>I</b>	<b>Doanh thu bán đá tấm</b>	<b>55.371</b>	<b>13.030</b>	<b>-76,46%</b>
<b>II</b>	<b>Doanh thu gia công, chế tác</b>	<b>66.034</b>	<b>95.169</b>	<b>44,12%</b>
1	Doanh thu đá mẫu xuất khẩu	40.152	61.739	53,76%
2	Doanh thu gia công, chế tác xuất khẩu	4.054	12.596	210,71%
3	Doanh thu bán cho các Đại lý	3.608	7.436	106,10%
4	Doanh thu bán trong nước (các công ty Xây dựng, nội thất, kiến trúc . . . và khách lẻ)	8.198	13.398	63,43%
5	Doanh thu bán hàng cho các dự án	10.022	0	

**\* Công tác chăm lo đời sống của người lao động; Công tác Đảng, đoàn thể**

- Năm 2015 nền kinh tế Việt Nam tuy đã có những dấu hiệu hồi phục, tuy nhiên vẫn còn có những khó khăn; Ban lãnh đạo công ty đã cố gắng duy trì và nâng cao đời sống của CBCNV Công ty. Thu nhập bình quân năm 2015 đạt 8.794.000 đồng/người/tháng, tăng 6,74% so với năm 2014.

- Các chế độ, chính sách đối với người lao động luôn được Công ty thực hiện nghiêm túc, kịp thời. Công ty thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, kịp thời cho 100% người



lao động với tổng số tiền trích nộp BHXH, BHYT, BHTN của năm 2015 là: 1.436.518.634 đồng. Chi trả chế độ chính sách cho cho 38 lượt người với tổng số tiền: 35.653.687 đồng.

- Thực hiện công tác cấp sổ và thẻ BHYT kịp thời cho CBCNV đảm bảo không có trường hợp nào không được hưởng chế độ chính sách.

- Tạo cơ hội tham gia các khóa đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ được giành cho tất cả nhân viên. Công ty luôn quan tâm, chú trọng bồi dưỡng người lao động về kỹ năng công việc, trình độ chuyên môn, năng lực quản lý ... tạo điều kiện tối đa để người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc.

- Khuyến khích động viên kịp thời cho CBCNV đạt các thành tích và danh hiệu năm 2014 với số tiền: 36.340.000 đồng

- Công tác xây dựng và phát triển Đảng được chú trọng, trong năm 2015, Chi bộ Công ty đã kết nạp mới 01 đồng chí, chuyển đảng chính thức cho 04 đảng viên.

- Các tổ chức đoàn thể: Phòng Tổ chức-Hành chính phối hợp với các tổ chức đoàn thể như: công đoàn, đoàn thanh niên thường xuyên chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, tìm hiểu tâm tư, tình cảm và nguyện vọng của người lao động.

+ Tổ chức tặng quà nhân ngày tết thiếu nhi (1/6), tết trung thu (15/8 âm lịch), tặng quà cho các cháu có thành tích xuất sắc trong học tập với tổng giá trị quà tặng là 44.900.000 đồng

+ Tổ chức tặng quà nhân ngày 8/3, 20/10 cho CBCNV nữ với giá trị quà tặng: 12.800.000 đồng

+ Kịp thời tổ chức thăm hỏi CBCNV khi ốm đau, thai sản, hiếu, hỷ, tặng quà sinh nhật cho CBCNV (tổng giá trị quà tặng: 33.400.000 đồng)

#### \* Công tác đầu tư

Năm 2015 Công ty thực hiện đầu tư nhiều hạng mục với tổng mức đầu tư là 10,1 tỷ đồng được thực hiện từ quý II/2015; nguồn vốn thực hiện đều là vốn tự có; các hạng mục đầu tư chủ yếu tập chung cho khu vực phân xưởng sản xuất nhằm nâng cao năng lực sản xuất, an toàn về PCCC, bụi, mùi và tạo môi trường cảnh quan làm việc cũng như nâng cao chất lượng sống cho CBCNV trong Công ty, gồm những hạng mục dự án chính sau:

- ✓ Máy sấy đá phục vụ cho công tác sấy đá mẫu với giá trị : 0,13 tỷ đồng
- ✓ Máy mài bóng đá phục vụ cho công tác mài bóng 2 cạnh của đá mẫu với giá trị : 0,23 tỷ đồng
- ✓ Máy mài bóng đá và cắt đá (máy mài V9) phục vụ cho công tác cắt đá tấm và mài bóng đá với giá trị : 1,05 tỷ đồng
- ✓ Dự án đầu tư hệ thống PCCC có giá trị : 0,7 tỷ đồng
- ✓ Dự án đầu tư xây dựng cổng chính, cổng phía nam, hàng rào và nhà để xe cho CBCNV : 2,5 tỷ đồng
- ✓ Đầu tư mua 01 xe ô tô khách 47 chỗ ngồi : 2,9 tỷ đồng
- ✓ Đầu tư mua 01 xe pickup : 0,7 tỷ đồng
- ✓ Dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt : 0,6 tỷ đồng
- ✓ Dự án đầu tư mua 02 máy cắt cầu : 1,2 tỷ đồng

- ✓ Ngoài ra còn mua một số máy móc thiết bị cầm tay cũng như nâng cấp máy móc thiết bị hiện có khác để phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất của Công ty

Công tác đầu tư được thực hiện đúng theo quy trình, quy phạm và quy định của luật đầu tư và cũng như đáp ứng được tiến độ, chất lượng và hiệu quả trong đầu tư.

**\* Công tác vệ sinh an toàn lao động**

- Công tác vệ sinh an toàn lao động trong Công ty luôn được chú trọng đặc biệt công tác cấp phát bảo hộ lao động luôn đầy đủ kịp thời, không để nguy cơ mất an toàn lao động xảy ra.

- Năm 2015 Công ty đã đầu tư và nâng cấp hệ thống hút bụi trong xưởng thủ công. Cải tạo nhà xưởng và trang bị một số thiết bị cần thiết để môi trường làm việc của CBCNV được tốt hơn so với năm trước rất nhiều, đầu tư các máy hút bụi phục vụ công tác lắp đặt tại công trình,

- Công tác vận chuyển rác thải trong công ty luôn thực hiện tốt, không để tồn đọng gây mất vệ sinh môi trường, phân loại và lưu giữ rác thải thông thường và rác thải nguy hại được tuân thủ nghiêm ngặt đảm bảo môi trường xanh-sạch-đẹp.

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**

- Ban Giám đốc của công ty đã có sự chỉ đạo, điều hành sát sao các mặt hoạt động của Công ty, đảm bảo mục tiêu của Hội đồng quản trị đưa ra là phát triển bền vững, từng bước mở rộng hoạt động kinh doanh và đạt được hiệu quả cao.

- Ban Giám đốc đã có những báo cáo kịp thời lên Hội đồng quản trị đề đưa ra các điều chỉnh về chiến lược khi tình hình thị trường có sự chuyển biến mới.

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2016 như sau:

(ĐVT: triệu đồng)

TT	Khoản mục	Thực hiện Năm 2015	Kế hoạch năm 2016	% tăng giảm
1	Doanh thu thuần	108.200	137.199	26,80%
	<i>Doanh thu từ bán đá tấm</i>	<i>13.030</i>	<i>-</i>	<i>%</i>
	<i>Doanh thu thuần từ gia công, chế tác</i>	<i>95.169</i>	<i>137.199</i>	<i>44,16%</i>
2	Lợi nhuận trước thuế	22.015	22.883	3,94%
3	Lợi nhuận sau thuế	21.229	21.166	- 0,29%
4	Vốn điều lệ	65.127,5	65.127,5	
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	19,62%	15,42%	21,40%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	21,14%	18,20%	- 13,90%

Để hoàn thành các mục tiêu trên cần sự cố gắng, nỗ lực rất lớn từ Ban lãnh đạo đến toàn thể CBCNV trong Công ty. Ngoài ra, cần thực hiện tốt các nhiệm vụ chính sau:

✓ **Tăng cường tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường**

- Không ngừng nghiên cứu cải tiến, nâng cao kỹ năng chế tác và tăng cường sự kiểm soát để tạo ra các sản phẩm đẹp, chất lượng cao và ổn định thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng
- Tính toán chi phí hợp lý, nâng cao năng suất lao động để tạo sự ra sự cạnh tranh về giá.
- Ban hành chính sách hậu mãi, khuyến mại hợp lý nhằm thu hút khách hàng.
- Triển khai sản xuất khẩn trương, đúng tiến độ khi nhận được đơn hàng.
- Thực hiện tốt các dịch vụ trước, trong và sau bán hàng. Thỏa mãn 100% nhu cầu của khách hàng.
- Tạo ra một số sản phẩm thông dụng làm sẵn để bày bán tại các cửa hàng, Đại lý như mặt bàn, kệ... phù hợp về kiểu dáng kích thước để sử dụng trong gia đình, nhà hàng.
- Thiết lập hệ thống chăm sóc khách hàng, bảo trì sản phẩm tại nhà khách hàng.
- Thay đổi giao diện website nhằm tạo sự thân thiện và đơn giản cho khách hàng

✓ **Phát triển hệ thống đại lý tại các vùng miền**

Trong năm 2015, doanh thu bán hàng qua Đại lý đã tăng lên đáng kể so với năm 2014 (8.276 tỷ so với 3.15 tỷ ), đạt 40% trên tổng doanh thu bán hàng trong nước. Để thực hiện được kế hoạch doanh thu năm 2016, cần phải triển khai tiếp các chương trình như sau

- Tiếp tục mở rộng nhưng có chọn lọc, đánh giá hệ thống phân phối tại Hà Nội và các tỉnh thành lân cận.
- Thực hiện chương trình đầu tư mở chi nhánh tại TP HCM

Hàng quý cần có đánh giá cụ thể về đại lý đã được ký kết dựa trên cơ sở: doanh số, khả năng thanh toán, số lượng dự kiến tiêu thụ trong quý sau và ý kiến phản hồi của đại lý để từ đó có cơ sở hỗ trợ hoặc điều chỉnh chính sách hoặc chấm dứt hợp đồng

✓ **Trở thành nhà cung cấp có uy tín cho các dự án lớn, công trình trọng điểm ở VN**

- Thiết lập một bộ phận bán hàng dự án để tiếp cận với các dự án trong nước và thực hiện dự án một cách chuyên nghiệp, hiệu quả và kịp thời.
- Các chính sách chiết khấu hợp lý theo quy mô dự án.
- Thường xuyên đánh giá tình hình thực hiện và hiệu quả mang lại từ các dự án để có điều chỉnh phù hợp.

✓ **Đẩy mạnh công tác xuất khẩu**

Năm 2015 cho thấy sự hiệu quả của công tác bán hàng xuất khẩu dự án Cut to size, với doanh thu đạt hơn 13 tỷ đồng, và kế hoạch năm 2016 đạt trên 30 tỷ đồng.

✓ **Triển khai các hoạt động quảng cáo**

- Khẩn trương xây dựng trang Web của Công ty và thường xuyên cập nhật các thông tin cần thiết để biến chúng trở thành cẩm nang tra cứu thuận tiện cho khách hàng khi có nhu cầu tìm hiểu, liên hệ và sử dụng sản phẩm của Công ty cũng như các hoạt động của Công ty.
- Tham gia triển lãm về xây dựng, vật liệu và kiến trúc cùng với Công ty Vicostone.
- Giới thiệu sản phẩm và hình ảnh của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng, tờ rơi, đĩa CD...

✓ **Phát triển nguồn nhân lực**

- Tiếp tục tuyển dụng nhân công có chất lượng cao phục vụ trước mắt và lâu dài
- Điều chỉnh, bố trí nhân lực phù hợp năng lực.
- Đào tạo nâng cao nhằm nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và phục vụ cho chiến lược phát triển công ty.
- Đầu tư trang thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác quản trị nguồn nhân lực như máy móc thiết bị, các phần mềm nhân sự....
- Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn như : hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015, hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14000, hệ thống an toàn sức khỏe nghề nghiệp, hệ thống SA8000 và biến chúng thành công cụ hữu hiệu phục vụ cho việc quản lý và điều hành Công ty.

✓ **Chăm lo đời sống của người lao động về vật chất và tinh thần**

- Thực hiện đầy đủ quyền lợi của người lao động theo quy định của pháp luật.
- Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, lành mạnh, nâng cao ý thức trách nhiệm với công việc.
- Trả lương và có chính sách đãi ngộ tương xứng với cống hiến.

✓ **Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, quản lý chi phí hiệu quả****V. QUẢN TRỊ CÔNG TY****1. Hội đồng quản trị của Công ty****1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên độc lập không tham gia điều hành, chi tiết như sau:

- |                         |   |
|-------------------------|---|
| 1. Ông Phạm Trí Dũng    | : Chủ tịch HĐQT (thành viên không điều hành)        |
| 2. Ông Nguyễn Minh Hồng | : Ủy viên HĐQT - Giám đốc                           |
| 3. Ông Ninh Quốc Cường  | : Ủy viên HĐQT - Phó Giám đốc                       |
| 4. Ông Đỗ Quang Bình    | : Ủy viên HĐQT (thành viên không điều hành)         |
| 5. Bà Nguyễn Thị Hoàn   | : Ủy viên HĐQT (thành viên độc lập không điều hành) |

## Tóm tắt Sơ yếu lý lịch của Thành viên HĐQT

**Ông Phạm Trí Dũng – Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên	<b>Phạm Trí Dũng</b>
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	18/10/1971
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	xã Hải Lý, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
Địa chỉ thường trú	Số 39, ngõ 37, Phố Vĩnh Hồ, quận Đống Đa, Hà Nội
Chứng minh nhân dân	161914249 do Công an tỉnh Nam Định cấp ngày 14/06/2007
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
<b>Quá trình công tác</b>	
8/2001 - 4/2004	Phó trưởng phòng Phụ trách xuất khẩu lao động Công ty Cổ phần kinh doanh Vinaconex
5/2004 - 11/2005	Trưởng phòng Kế hoạch - Thị trường Công ty CP Vicostone,
12/2005 - 1/2007	Phó Giám đốc Công ty CP Vicostone,
2/2007 - 4/2010	- Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vicostone, - Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế tác đá Việt Nam.
4/2010 đến 8/2015	- Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vicostone, - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Từ 8/2015 đến nay	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Phương Hoàng Xanh A&A - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Phương Hoàng Xanh A&A - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Style Stone
Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức đăng ký giao dịch)	8.100 cổ phần chiếm 0,124% vốn điều lệ
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Kế hoạch chi trả thù lao 2015 được ĐHĐCD thường niên năm 2015 thông qua: 3.000.000đ/tháng

**Ông Nguyễn Minh Hồng - Ủy viên HĐQT/ Giám đốc công ty** – Đã được trình bày ở phần II mục 2.1 Danh sách Ban điều hành Công ty.

**Ông Ninh Quốc Cường - Ủy viên HĐQT / Phó Giám đốc công ty** – Đã được trình bày ở phần II mục 2.1 Danh sách Ban điều hành Công ty.

**Ông Đỗ Quang Bình - Ủy viên HĐQT**

Họ và tên	<b>Đỗ Quang Bình</b>
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	13/01/1981
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Chương Dương, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội
Địa chỉ thường trú	P113, B3, TT Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội 012215248 do Công An Thành phố Hà Nội cấp ngày 05/04/1999
Chứng minh nhân dân	05/04/1999
Trình độ chuyên môn	Cử nhân luật
<b>Quá trình công tác</b>	
Từ tháng 05/2007 - 08/2009	Phó Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex.
Từ tháng 08/2009 - 03/2010	Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 03/2010 - 11/2011	Trưởng phòng Pháp chế - Đối ngoại CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 11/2011 - 18/09/2013	Giám đốc Ban Pháp chế - Đối ngoại CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ 19/09/2013 đến 8/2015	Giám đốc Ban pháp chế kiêm Trưởng phòng Quản trị Rủi ro CTCP Vicostone
Từ 08/2015 đến nay	Giám đốc Ban pháp chế kiêm Trưởng phòng Quản trị Rủi ro CTCP Phụng hoàng xanh A&A
Chức vụ hiện nay	Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	- Giám đốc Ban Pháp chế - Quản trị rủi ro CTCP Phụng Hoàng Xanh A&A (Phenikaa) - Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP Style Stone
Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức đăng ký giao dịch)	Không
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Kế hoạch chi trả thù lao 2015 được ĐHCĐ thường niên năm 2015 thông qua: 2.500.000đ/tháng

**Bà Nguyễn Thị Hoàn - Ủy viên HĐQT**

Họ và tên	Nguyễn Thị Hoàn
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	23 tháng 06 năm 1981
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hà Tây
Địa chỉ thường trú	Phượng Bãi, Biên Giang, Hà Đông, Hà Nội
Chứng minh nhân dân	111600203 do Công An Hà Tây cấp; Ngày cấp: 17/03/1999
Trình độ chuyên môn	Cử Nhân Kế Toán – Tài chính
Quá trình công tác	
05/2003 - 03/2007	Chuyên viên phòng Kế toán Công ty CP Vicostone
03/2007 - 03/2011	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
03/2011 – 11/2011	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Chế tác đá Việt Nam
11/2011 - 03/2012	Kế toán trưởng Công ty CP Xây Dựng và Phát triển Công Nghệ Cao
03/2012 - 11/2013	Kế toán Trưởng Công ty Cổ phần Tổng hợp Việt Nhật
11/2013 - đến nay	Kế toán Trưởng Công ty Cổ phần Tổng hợp Việt Nhật, Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ hiện nay	Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Tổng hợp Việt Nhật
Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức đăng ký giao dịch)	Không
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Kế hoạch chi trả thù lao 2015 được ĐHDCĐ thường niên năm 2015 thông qua: 2.500.000đ/tháng

**1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : Không có****1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị**

- Hiện tại, hai thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là thành viên Ban Giám đốc (Ông Nguyễn Minh Hồng - Giám đốc; Ông Ninh Quốc Cường - Phó Giám đốc) nên việc báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Ban Giám đốc cho Hội đồng quản trị rất thuận lợi. Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham gia thảo luận bàn bạc các vấn đề quan

trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua Email, Fax, điện thoại ngoài các cuộc họp định kỳ. Việc giám sát của HĐQT với Ban Giám đốc cũng được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Giám đốc gửi các thành viên hàng tuần.

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị :

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2015/NQ/STV-HĐQT	02/02/2015	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015
2	02/2015/NQ/STV-HĐQT	10/02/2015	Thay đổi thành viên Ban quan hệ cổ đông
3	03/2015/NQ/STV-HĐQT	01/03/2015	Thông qua Quy định về chế độ công tác phí của Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
4	04/2015/NQ/STV-HĐQT	13/03/2015	Phê duyệt hồ sơ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015
5	04A/2015/NQ/STV-ĐHĐCĐ	13/03/2015	Ban hành Quy chế phân phối tiền lương Công ty CP Chế tác đá Việt nam
6	05/2015/NQ/STV-HĐQT	15/04/2015	Ban hành quy chế nâng bậc lương, ngạch lương Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
7	06/2015/NQ/STV-HĐQT	29/04/2015	Miễn nhiệm chức vụ Quản đốc Phân xưởng sản xuất
8	07/2015/NQ/STV-HĐQT	29/04/2015	Bổ nhiệm Quản đốc Phân xưởng sản xuất Công ty CP chế tác đá Việt Nam
9	07A/2015/NQ/STV-HĐQT	02/06/2015	Thông qua chủ trương cho vay vốn ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh
10	08/2015/NQ/STV-HĐQT	22/06/2015	Phê duyệt đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015
11	09/2015/NQ/STV	02/07/2015	Phê duyệt chủ trương đầu tư một máy mài bóng
12	10/2015/NQ/STV	6/07/2015	Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật máy mài bóng và đơn vị thực hiện
13	10A/2015/NQ/STV	01/08/2015	Phê duyệt Chủ trương đầu tư cải tạo một số hạng mục của công ty cp chế tác đá Việt Nam
14	11/2015/NQ-HĐQT	20/9/2015	Phê duyệt báo cáo KTKT Lắp đặt hệ thống PCCC cho nhà xưởng chính số 2 và nhà kho hóa chất
15	11A/2015/NQ-HĐQT	21/09/2015	Phê duyệt Báo cáo KTKT Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15m <sup>3</sup> /ngày đêm
16	12/2015/NQ-HĐQT	22-09-2015	Phê duyệt đơn vị được mời quan tâm cho gói thầu Cung cấp, lắp đặt hệ thống PCCC cho nhà xưởng chính số 2 và nhà kho hóa chất
17	13/2015/NQ-HĐQT	30-09-2015	Phê duyệt chỉ định Đơn vị thực hiện gói thầu; Cung cấp, lắp đặt hệ thống PCCC cho nhà xưởng chính số 2 và nhà kho hóa chất



TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
18	14/2015/NQ-HĐQT	03/11/2015	Phê duyệt đơn vị được mời quan tâm cho gói thầu Cung cấp, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15m <sup>3</sup> /ngày.đêm
19	15/2015/NQ-HĐQT	10-11-2015	Phê duyệt chủ trương đầu tư một số thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
20	16/2015/NQ-HĐQT	18-11-2015	Phê duyệt Báo cáo KTKT Đầu tư một số thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
21	17/2015/NQ-HĐQT	23/11/2015	Phê duyệt đơn vị thực hiện gói thầu Cung cấp, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15m <sup>3</sup> /ngày.đêm
22	18/2015/NQ-HĐQT	25-11-2016	Phê duyệt chỉ định đơn vị thực hiện gói thầu: cung cấp 01 xe ô tô 47 chỗ
23	19/2015/NQ-HĐQT	05-12-2015	Phê duyệt chỉ định đơn vị thực hiện gói thầu: Cung cấp 02 máy cắt cầu
24	20/2015/NQ-HĐQT	12-12-2015	Phê duyệt đơn vị thi công gói thầu Thi công xây dựng đường ống thu gom và hố móng bể xử lý nước thải
25	21/2015/NQ-HĐQT	19-12-2015	Phê duyệt chỉ định Đơn vị thực hiện gói thầu: Cung cấp 01 xe ô tô pick up

#### **1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành**

Hiện tại trong Hội đồng quản trị có 03 thành viên độc lập, không điều hành là Ông Phạm Trí Dũng; Ông Đỗ Quang Bình và Bà Nguyễn Thị Hoàn đều là những người có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kinh doanh, lĩnh vực về luật và lĩnh vực tài chính. Các thành viên HĐQT độc lập và không điều hành Công ty đã đóng góp tích cực vào xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược và kế hoạch hoạt động của Công ty.

#### **1.5 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị : Không có**

### **2. Ban kiểm soát của Công ty**

#### **2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát Công ty Stone Vietnam có 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Danh sách như sau:

- |                          |                            |
|--------------------------|----------------------------|
| 1. Ông Lương Xuân Mẫn    | : Trưởng ban Kiểm soát     |
| 2. Bà Trần Lan Phương    | : Thành viên Ban kiểm soát |
| 3. Bà Nguyễn Phương Thủy | : Thành viên Ban kiểm soát |

**Tóm tắt lý lịch Ban kiểm soát:****Ông Lương Xuân Mẫn – Trưởng ban Kiểm soát**

Họ và tên	Lương Xuân Mẫn
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/7/1963
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Nhà 504, CT5, ĐN2, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Từ Liêm, Hà Nội
Chứng minh nhân dân	011346554 do Công an Hà Nội cấp ngày 04/10/1984
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
7/2002 - 5/2005	Kế toán trưởng Công ty CP VINACONEX19, phường 11, thị xã Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp
6/2005 - 05/2009	Kế toán trưởng, kiêm Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Vicostone; Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
6/2009 – 10/2010	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng, kiêm Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Vicostone; Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam.
11/2010 đến 07/2015	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Vicostone Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam.
7/2015 đến 8/2015	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vicostone - Trưởng Ban Kiểm soát CT CP Chế tác đá Việt Nam. - Trưởng Ban kiểm soát CTCP Style Stone
8/2015 đến 12/2015	- Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phụng Hoàng Xanh A&A - Trưởng Ban Kiểm soát CT CP Vicostone. - Trưởng Ban Kiểm soát CT CP Chế tác đá Việt Nam. - Trưởng Ban kiểm soát CTCP Style Stone
12/2015 đến nay	- Ủy viên Hội đồng quản trị ; Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phụng Hoàng Xanh A&A - Trưởng Ban Kiểm soát CT CP Vicostone. - Trưởng Ban Kiểm soát CT CP Chế tác đá Việt Nam. - Trưởng Ban kiểm soát CTCP Style Stone
Chức vụ hiện nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam.
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	- Ủy viên Hội đồng quản trị ; Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phụng Hoàng Xanh A&A - Trưởng Ban Kiểm soát CT CP Vicostone.

Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức đăng ký giao dịch)	- Trưởng Ban kiểm soát CTCP Style Stone 29.000 cổ phần chiếm 0,445% vốn điều lệ
Số cổ phiếu của những người liên quan	Bà Lương Thị Lan số CMT: 111059637 cấp ngày 11/04/2005 tại Hà Tây, là em ruột ông Lương Xuân Mẫn nắm giữ 5.000 cổ phần chiếm 0,077% vốn điều lệ.
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Kế hoạch chi trả thù lao 2015 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 thông qua: 2.500.000đ/tháng

**Bà Trần Lan Phương – Thành viên ban kiểm soát**

Họ và tên	<b>Trần Lan Phương</b>
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	04/10/1988
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An
Địa chỉ thường trú	Phòng A2407, tòa nhà Xuân Mai tower, đường Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Chứng minh nhân dân	186639011 do Công an tỉnh Nghệ An cấp 11/06/2005
Trình độ chuyên môn	Cử nhân luật, cử nhân tài chính ngân hàng
<b>Quá trình công tác</b>	
<i>11/2010 đến 03/2013</i>	Nhân viên Ban Pháp chế đối ngoại – CTCP Vicostone
<i>03/2013 – 10/2014</i>	Phó chánh văn phòng, Trưởng ban thư ký CTCP Vicostone, Thành viên ban kiểm soát CTCP Chế tác đá Việt Nam
<i>10/2014 – đến 08/2015</i>	- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam - Chánh văn phòng CTCP Phượng Hoàng Xanh A&A - Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Tư vấn quản lý dự án VPM Hà Nội - Trợ lý TGĐ CTCP VICOSTONE
<i>8/2015 – đến nay</i>	- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam - Thành viên Ban kiểm soát CTCP VICOSTONE - Giám đốc Ban nhân lực CTCP Phượng Hoàng Xanh A&A - Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Tư vấn quản lý dự án VPM Hà Nội
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	- Giám đốc Ban nhân lực Công ty CP Phượng hoàng xanh A&A - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Vicostone

	- Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP tư vấn quản lý dự án VPM - Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP tư vấn thiết kế Sitetech Toàn cầu
Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức đăng ký giao dịch)	Không
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Kế hoạch chi trả thù lao 2015 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 thông qua: 1.500.000đ/tháng

**Bà Nguyễn Phương Thúy – Thành viên ban kiểm soát**

Họ và tên	<b>Nguyễn Phương Thúy</b>
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	28/12/1981
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Lý Nhân – Nam Hà
Địa chỉ thường trú	Phường Gia Sàng – TP Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên
Chứng minh nhân dân	090724528 do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 16/07/2003
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
01/2007 đến nay	Nhân viên Phòng Tài chính - Kế hoạch Công ty CP Vicostone; Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Nhân viên Phòng Tài chính - Kế hoạch Công ty CP Vicostone
Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức đăng ký giao dịch)	Không
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Kế hoạch chi trả thù lao 2015 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 thông qua: 1.500.000đ/tháng

## 2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2015, Ban kiểm soát của Công ty đã tập trung thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các lĩnh vực trọng yếu sau:

- Xem xét tính phù hợp các Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty, đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của công ty theo các quy định của luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Thẩm định, kiểm tra báo cáo tài chính quyết toán quý và bán niên và báo cáo tài chính quyết toán năm và báo cáo kiểm toán vốn (đợt phát hành tăng vốn) nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát Ban Giám đốc trong việc thực thi những kiến nghị do kiểm toán viên đưa ra.
- Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.
- Tham dự tất cả các cuộc họp định kỳ của HĐQT, tham gia các ý kiến, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc. Giám sát, góp ý cho công tác quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tình hình xây dựng và thực hiện kế hoạch của Ban Giám đốc điều hành.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

TT	Số Biên bản họp	Ngày	Nội dung
1	01/2015/BB-BKS	26/02/2015	Tổng kết hoạt động SXKD năm 2014 và kế hoạch năm 2015 Kiểm soát báo cáo tài chính và kiểm soát các hoạt động chủ yếu của công ty trong năm 2015 Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015
2	02/2015/BB-BKS	02/08/2015	Kiểm soát báo cáo tài chính bán niên và kiểm soát các hoạt động của Công ty 06 tháng đầu năm 2015

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

#### 3.1 Thù lao, các khoản lợi ích

STT	HỌ VÀ TÊN	Tổng cộng	THUẾ TNCN (10%)	SỐ THỰC LĨNH
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>156.000.000</b>	<b>15.487.097</b>	<b>140.512.903</b>
1	Phạm Trí Dũng	36.000.000	3.600.000	32.400.000
2	Nguyễn Minh Hồng	30.000.000	3.000.000	27.000.000
3	Ninh Quốc Cường	30.000.000	3.000.000	27.000.000
4	Nguyễn Xuân An	6.370.968	637.097	5.733.871
5	Nguyễn Thị Hoàn	30.000.000	3.000.000	27.000.000
6	Đỗ Quang Bình	23.629.032	2.250.000	21.379.032
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>	<b>66.000.000</b>	<b>6.600.000</b>	<b>59.400.000</b>
7	Lương Xuân Mẫn	30.000.000	3.000.000	27.000.000
8	Trần Lan Phương	18.000.000	1.800.000	16.200.000
9	Nguyễn Phương Thúy	18.000.000	1.800.000	16.200.000
<b>III</b>	<b>Tổng cộng (I+II)</b>	<b>222.000.000</b>	<b>22.087.097</b>	<b>199.912.903</b>

#### 3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu tính đến thời điểm báo cáo		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Ninh Quốc Cường	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc	1.002.500	15,39%	2.500	0,03%	Bán

#### 3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ : không có

#### 3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Việc quản trị Công ty luôn đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến kiểm toán

Số tham chiếu: 61141842/17685758

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 17 tháng 2 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 29, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

#### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

*Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam***Đã ký**Đã ký*

\_\_\_\_\_  
 Bùi Anh Tuấn  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1

\_\_\_\_\_  
 Trịnh Xuân Hòa  
 Kiểm toán viên  
 Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam  
 Ngày 17 tháng 2 năm 2016

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

*(Nội dung Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán được kèm theo)* *NV*



CHỦ TỊCH HĐQT  
*Phạm Trí Dũng*



# Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



# Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 29

100  
H NH  
ÔNG  
HIỆP  
T &  
ỆT I  
HÀ  
ỀM

100  
H NH  
ÔNG  
HIỆP  
T &  
ỆT I  
HÀ  
ỀM

# Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303000640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp vào ngày 13 tháng 2 năm 2007 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 5 số 0500555916 vào ngày 12 tháng 1 năm 2010. Sau đó, Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 được cấp ngày 12 tháng 6 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Công nghệ cao, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Trí Dũng	Chủ tịch
Ông Ninh Quốc Cường	Thành viên
Ông Đỗ Quang Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoàn	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Hồng	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Xuân Mẫn	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Phương Thúy	Thành viên
Bà Trần Lan Phương	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Minh Hồng	Giám đốc
Ông Ninh Quốc Cường	Phó Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Trí Dũng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Minh Hồng, Giám đốc Công ty, được Ông Phạm Trí Dũng ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo Giấy Ủy quyền số 01/11/UQ/STV ngày 1 tháng 11 năm 2014.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Giám đốc  
Nguyễn Minh Hồng

Ngày 17 tháng 2 năm 2016

Số tham chiếu: 61141842/17685758

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 17 tháng 2 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 29, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Bùi Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1



Trịnh Xuân Hòa  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 17 tháng 2 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>88.351.326.271</b>	<b>76.405.982.568</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>60.614.503.986</b>	<b>6.853.161.168</b>
111	1. Tiền		23.614.503.986	1.853.161.168
112	2. Các khoản tương đương tiền		37.000.000.000	5.000.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>5.854.266.841</b>	<b>34.159.807.452</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	7.601.656.731	12.370.233.639
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.292.653.495	-
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	23.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		95.000.000	825.849.086
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(3.135.043.385)	(2.036.275.273)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>21.253.456.113</b>	<b>33.708.311.687</b>
141	1. Hàng tồn kho	6	21.253.456.113	33.708.311.687
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>629.099.331</b>	<b>1.684.702.261</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	84.039.521	24.186.794
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	1.660.515.467
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	545.059.810	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>26.881.563.513</b>	<b>22.684.675.753</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>19.022.394.069</b>	<b>21.639.769.381</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	19.022.394.069	21.639.769.381
222	Nguyên giá		49.913.167.281	47.666.386.011
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(30.890.773.212)	(26.026.616.630)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.281.133.832</b>	<b>424.679.128</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	8.1	424.679.128	424.679.128
242	2. Xây dựng cơ bản dở dang	8.2	856.454.704	-
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.578.035.612</b>	<b>620.227.244</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	6.578.035.612	620.227.244
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>115.232.889.784</b>	<b>99.090.658.321</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>6.950.318.748</b>	<b>6.555.969.370</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>6.950.318.748</b>	<b>6.555.969.370</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	215.729.461	2.924.807.509
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		745.504.988	278.813.834
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	436.375.113	99.988.089
314	4. Phải trả người lao động		296.722.549	2.378.812.541
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		40.000.000	98.583.333
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	12	4.026.696.136	103.132.652
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13	1.189.290.501	671.831.412
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>108.282.571.036</b>	<b>92.534.688.951</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>14</b>	<b>108.282.571.036</b>	<b>92.534.688.951</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	14.2	65.127.500.000	65.127.500.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		65.127.500.000	65.127.500.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		11.374.287.198	7.609.640.817
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		31.780.783.838	19.797.548.134
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		10.551.812.073	6.463.313.556
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		21.228.971.765	13.334.234.578
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>115.232.889.784</b>	<b>99.090.658.321</b>

*Dương Thị Tình*

Người lập biểu  
Dương Thị Tình

*Trần Thị Đức Hạnh*

Kế toán trưởng  
Trần Thị Đức Hạnh



Giám đốc  
Nguyễn Minh Hồng

Ngày 17 tháng 2 năm 2016



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	108.199.590.430	121.405.184.911
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	108.199.590.430	121.405.184.911
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	17	80.457.270.975	97.250.630.665
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.742.319.455	24.154.554.246
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	2.566.210.510	1.505.631.030
22	7. Chi phí tài chính		107.799.390	374.498.027
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		54.166.667	80.823.866
25	8. Chi phí bán hàng	18	1.806.928.421	3.193.453.695
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	6.442.744.194	7.709.093.456
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.951.057.960	14.383.140.098
31	11. Thu nhập khác	19	965.962.750	977.764.300
32	12. Chi phí khác	19	901.788.619	908.487.334
40	13. Lợi nhuận khác	19	64.174.131	69.276.966
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		22.015.232.091	14.452.417.064
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	786.260.326	1.118.182.486
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		21.228.971.765	13.334.234.578
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	2.875	2.061
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23	2.875	2.061

*Dương Thị Tinh*

Người lập biểu  
Dương Thị Tinh

*Trần Thị Đức Hạnh*

Kế toán trưởng  
Trần Thị Đức Hạnh



Giám đốc  
Nguyễn Minh Hồng

Ngày 17 tháng 2 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>22.015.232.091</b>	<b>14.452.417.064</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	7	4.864.156.582	4.847.164.680
03	Các khoản dự phòng		1.098.768.112	1.566.373.378
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(11.902.485)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	16.2	(2.517.913.123)	(846.486.638)
06	Chi phí lãi vay		54.166.667	80.823.866
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>25.514.410.329</b>	<b>20.088.389.865</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		4.564.417.044	(5.424.235.743)
10	Giảm hàng tồn kho		12.454.855.574	2.594.525.541
11	Giảm các khoản phải trả (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(3.573.525.798)	(8.090.590.337)
12	Tiền lãi vay đã trả		(6.017.661.095)	249.981.158
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(9.657.199)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	21.2	(1.418.827.354)	(1.189.716.903)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.055.980.591)	(697.959.008)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>30.467.688.109</b>	<b>7.520.737.374</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.982.069.526)	-
23	Tiền chi cho vay		(55.000.000.000)	(23.000.000.000)
25	Tiền thu hồi cho vay		78.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay		3.275.724.235	87.761.851
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>23.293.654.709</b>	<b>(22.912.238.149)</b>

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	20.000.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		5.000.000.000	3.000.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(5.000.000.000)	(3.391.995.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(2.040.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	17.568.005.000
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		53.761.342.818	2.176.504.225
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		6.853.161.168	4.664.754.458
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	11.902.485
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	60.614.503.986	6.853.161.168

*Ducet*

*Ths*



Người lập biểu  
Dương Thị Tinh

Kế toán trưởng  
Trần Thị Đức Hạnh

Giám đốc  
Nguyễn Minh Hồng

Ngày 17 tháng 2 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303000640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp vào ngày 13 tháng 2 năm 2007 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 5 số 0500555916 vào ngày 12 tháng 1 năm 2010. Sau đó, Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 được cấp ngày 12 tháng 6 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Công nghệ cao, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 152 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 137 nhân viên).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau.

*Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số 25.

#### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |   |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa                        | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Dịch vụ gia công dở dang và đã hoàn thành          | - | chi phí lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.   |

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo tài chính.

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	8 - 11 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 11 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam vào ngày 30 tháng 5 năm 2008 trong thời hạn 26 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư.
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.11 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- ▶ Quỹ đầu tư và phát triển  
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- ▶ Quỹ khen thưởng và phúc lợi  
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu từ hoạt động gia công*

Doanh thu được ghi nhận khi hoạt động gia công được hoàn thành thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa gia công.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Doanh thu từ cho thuê hoạt động*

Thu nhập từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### 3.13 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Tiền mặt	31.045.585	657.658.456
Tiền gửi ngân hàng	23.583.458.401	1.195.502.712
Các khoản tương đương tiền (*)	37.000.000.000	5.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>60.614.503.986</b>	<b>6.853.161.168</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là những khoản tiền gửi ngân hàng bằng Việt Nam đồng có kỳ hạn dưới 3 tháng, hưởng lãi suất 4,5%/năm.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	7.601.656.731	12.318.643.886
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội</i>		
– Chi nhánh Bắc Hà Nội	1.422.341.269	3.379.633.614
<i>Công ty Cổ phần TID</i>	1.396.067.957	1.396.067.957
<i>Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội</i>	1.178.951.610	1.178.951.610
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội</i>		
– Chi nhánh Hà Tây	379.445.700	3.230.157.000
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	3.224.850.195	3.133.833.705
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	-	51.589.753
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.601.656.731</b>	<b>12.370.233.639</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.135.043.385)	(2.036.275.273)

**6. HÀNG TỒN KHO**

	Đơn vị tính: VNĐ			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	18.865.512.475	-	29.359.826.568	-
Công cụ, dụng cụ	1.033.947.601	-	1.736.148.822	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	782.166.150	-	299.094.021	-
Thành phẩm	571.829.887	-	2.313.242.276	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.253.456.113</b>	<b>-</b>	<b>33.708.311.687</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	31.064.738.966	14.677.647.860	1.868.901.512	55.097.673	47.666.386.011
Mua trong năm	-	1.400.893.997	667.887.273	178.000.000	2.246.781.270
Số cuối năm	31.064.738.966	16.078.541.857	2.536.788.785	233.097.673	49.913.167.281
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	-	-	322.101.968	55.097.673	377.199.641
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số đầu năm	14.989.783.838	9.492.462.033	1.489.273.086	55.097.673	26.026.616.630
Khấu hao trong năm	2.825.537.616	1.837.675.785	193.349.940	7.593.241	4.864.156.582
Số cuối năm	17.815.321.454	11.330.137.818	1.682.623.026	62.690.914	30.890.773.212
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	16.074.955.128	5.185.185.827	379.628.426	-	21.639.769.381
Số cuối năm	13.249.417.512	4.748.404.039	854.165.759	170.406.759	19.022.394.069

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

**8.1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án Dolphin	419.315.851	419.315.851	419.315.851	419.315.851
Dự án Nam Cường	5.363.277	5.363.277	5.363.277	5.363.277
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>424.679.128</b>	<b>424.679.128</b>	<b>424.679.128</b>	<b>424.679.128</b>

**8.2 Xây dựng cơ bản dở dang**

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Hệ thống cổng ra vào Công ty	856.454.704
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>856.454.704</b>	<b>-</b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Ngắn hạn	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	84.039.521	24.186.794
	84.039.521	24.186.794
Dài hạn		
Tiền thuê đất	5.895.098.485	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	126.314.777	148.748.158
Chi phí sửa chữa lớn	231.322.257	419.749.161
Chi phí trả trước dài hạn khác	325.300.093	51.729.925
	6.578.035.612	620.227.244
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.662.075.133</b>	<b>644.414.038</b>

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	215.729.461	215.729.461	370.369.152	370.369.152
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	-	-	2.554.438.357	2.554.438.357
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>215.729.461</b>	<b>215.729.461</b>	<b>2.924.807.509</b>	<b>2.924.807.509</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị tính: VNĐ*

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế TNDN (Thuyết minh số 21.2)	87.507.218	786.260.326	(1.418.827.354)	(545.059.810)
Thuế giá trị gia tăng	-	1.456.594.998	(1.028.491.379)	428.103.619
Thuế thu nhập cá nhân	12.480.871	274.949.472	(279.158.849)	8.271.494
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>99.988.089</b>	<b>2.517.804.796</b>	<b>(2.726.477.582)</b>	<b>(108.684.697)</b>
Trong đó:				
Thuế phải nộp	99.988.089			436.375.113
Thuế phải thu	-			545.059.810

**12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

*Đơn vị tính: VNĐ*

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả ngắn hạn	3.907.650.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	119.046.136	103.132.652
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.026.696.136</b>	<b>103.132.652</b>

**13. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI**

*Đơn vị tính: VNĐ*

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	671.831.412	220.299.660
Trích quỹ trong năm (Thuyết minh số 14.1)	1.573.439.680	1.225.707.752
Sử dụng quỹ trong năm	(1.055.980.591)	(774.176.000)
Số cuối năm	<b>1.189.290.501</b>	<b>671.831.412</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

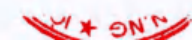
**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**14.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VNĐ

	Vốn góp	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	45.127.500.000	3.523.153.860	839.172.231	10.936.336.034	60.426.162.125
Tăng vốn trong năm	20.000.000.000	-	-	-	20.000.000.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.225.707.752)	(1.225.707.752)
Trích lập các quỹ	-	2.727.947.035	519.367.691	(3.247.314.726)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	13.334.234.578	13.334.234.578
Số cuối năm	65.127.500.000	6.251.100.895	1.358.539.922	19.797.548.134	92.534.688.951
Trình bày lại (Thuyết minh số 26)	-	1.358.539.922	(1.358.539.922)	-	-
<b>Số cuối năm (Trình bày lại)</b>	<b>65.127.500.000</b>	<b>7.609.640.817</b>	<b>-</b>	<b>19.797.548.134</b>	<b>92.534.688.951</b>
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	65.127.500.000	7.609.640.817	-	19.797.548.134	92.534.688.951
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng Ban quản lý điều hành Công ty (*)	-	-	-	(1.573.439.680)	(1.573.439.680)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	3.764.646.381	-	(3.764.646.381)	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 (*)	-	-	-	(3.907.650.000)	(3.907.650.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	21.228.971.765	21.228.971.765
<b>Số cuối năm</b>	<b>65.127.500.000</b>	<b>11.374.287.198</b>	<b>-</b>	<b>31.780.783.838</b>	<b>108.282.571.036</b>

(\*) Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ, trích thưởng cho Ban quản lý điều hành Công ty và ghi nhận cổ tức phải trả từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Nghị Quyết số 01/2015/NQ/STV - ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 3 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Công ty Cổ phần Phượng Hoàng xanh A&A	32.923.500.000	3.292.350	3.150.000.000	315.000
Công ty Cổ phần Vicostone	20.448.000.000	2.044.800	20.448.000.000	2.044.800
Ông Ninh Quốc Cường	25.000.000	2.500	10.025.000.000	1.002.500
Các cổ đông khác	11.731.000.000	1.173.100	31.504.500.000	3.150.450
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>65.127.500.000</b>	<b>6.512.750</b>	<b>65.127.500.000</b>	<b>6.512.750</b>

**14.3 Cổ tức**

Đơn vị tính: VNĐ

**Cổ tức đã công bố trong năm**

*Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông*

Cổ tức cho năm 2014: 600 VNĐ/cổ phiếu

Cổ tức cho năm 2013: 0 VNĐ /cổ phiếu

Năm nay

Năm trước

3.907.650.000

-

-

**Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

-

-

**14.4 Cổ phiếu**

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>6.512.750</b>	<b>6.512.750</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>6.512.750</b>	<b>6.512.750</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.512.750	6.512.750
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>6.512.750</b>	<b>6.512.750</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.512.750	6.512.750
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu.

**15. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
USD	859	1.306
EUR	111	104

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. DOANH THU**

**16.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>108.199.590.430</b>	<b>121.405.184.911</b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	94.460.775.535	63.928.918.016
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	13.030.190.278	55.371.404.031
<i>Doanh thu dịch vụ gia công và dịch vụ khác</i>	708.624.617	2.104.862.864
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>108.199.590.430</b>	<b>121.405.184.911</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	31.788.708.722	83.302.070.451
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan     (Thuyết minh số 22)</i>	76.410.881.708	38.103.114.460

**16.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi	266.338.122	87.761.851
Lãi tiền cho vay	2.251.575.001	758.724.787
Lãi chênh lệch tỷ giá	48.297.387	659.144.392
	<b>2.566.210.510</b>	<b>1.505.631.030</b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm	67.386.288.250	45.702.521.792
Giá vốn của hàng hóa	12.665.837.192	51.052.372.289
Giá vốn của dịch vụ gia công	405.145.533	495.736.584
	<b>80.457.270.975</b>	<b>97.250.630.665</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>1.806.928.421</b>	<b>3.193.453.695</b>
Chi phí nhân công	1.415.803.384	1.518.872.623
Chi phí vận chuyển	204.424.503	1.571.201.853
Chi phí bán hàng khác	186.700.534	103.379.219
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>6.442.744.194</b>	<b>7.709.093.456</b>
Chi phí nhân công	3.274.859.152	4.202.115.057
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.098.768.112	1.566.373.378
Chi phí khấu hao	449.000.977	505.256.580
Chi phí thuê ngoài	483.654.015	403.994.093
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.136.461.938	1.031.354.348
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.249.672.615</b>	<b>10.902.547.151</b>

**19. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>965.962.750</b>	<b>977.764.300</b>
Thu nhập từ cho thuê nhà xưởng	960.000.000	960.000.000
Thu nhập khác	5.962.750	17.764.300
<b>Chi phí khác</b>	<b>901.788.619</b>	<b>908.487.334</b>
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	883.052.244	883.052.244
Chi phí khác	18.736.375	25.435.090
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b>64.174.131</b>	<b>69.276.966</b>

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.075.560.398	76.933.577.964
Chi phí nhân công	9.365.210.064	9.641.000.299
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.981.104.338	3.964.112.436
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.871.482.945	8.170.294.371
Chi phí khác	3.155.245.586	2.693.275.390
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>87.448.603.331</b>	<b>101.402.260.460</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty như sau:

Đối với hoạt động bán thành phẩm và hoạt động gia công:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động này là 15% lợi nhuận chịu thuế trong 12 năm kể từ năm Công ty bắt đầu đi vào hoạt động (từ năm 2008 đến 2019).

Công ty được miễn thuế TNDN trong 3 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2008 đến năm 2010) và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo (năm 2011 đến năm 2017). Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho thu nhập từ hoạt động sản xuất trong năm nay là 7.5%.

Đối với hoạt động thương mại:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho hoạt động này là 22%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**21.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.907.886.017	1.118.182.486
Giảm trừ thuế TNDN năm trước (*)	(1.121.625.691)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>786.260.326</b>	<b>1.118.182.486</b>

(\*) Trước đây, Công ty đã kê khai và nộp thuế TNDN cho giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2013 với mức thuế suất 20%, với các ưu đãi là được miễn thuế trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2008 và 2009), và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong 6 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến 2015). Tuy nhiên, theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 và Công văn số 75414/CT-HTr của Cục thuế Thành phố Hà Nội, Công ty xác định được hưởng mức thuế suất 15% trong 12 năm kể từ năm Công ty bắt đầu đi vào hoạt động (từ năm 2008 đến 2019), được miễn thuế TNDN trong 3 năm (năm 2008 đến năm 2010) và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo (năm 2011 đến năm 2017). Căn cứ vào các văn bản trên, Công ty đã gửi Công văn số 178/CV/STV-TCKT ngày 7 tháng 12 năm 2015 tới Chi cục thuế huyện Thạch Thất và Công văn số 189/CV/STV-TCKT ngày 22 tháng 12 năm 2015 cho Cục thuế Hà Nội về việc miễn thuế cho năm 2010 và giảm thuế cho giai đoạn từ năm 2011 - 2013. Công ty ghi nhận toàn bộ số thuế được miễn giảm trên vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**21.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**21.2 Thuế TNDN hiện hành** (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>22.015.232.091</b>	<b>14.452.417.064</b>
<b>Các điều chỉnh tăng lợi nhuận theo kế toán</b>		
Các khoản điều chỉnh tăng	211.616.271	184.909.141
<i>Các khoản chi phí không hợp lệ</i>	48.179.896	17.300.000
<i>Tiền phạt</i>	1.436.375	8.135.090
<i>Chi phí thù lao cho thành viên HĐQT không chuyên trách</i>	162.000.000	114.000.000
<i>Chi phí dự phòng công nợ phải thu không được xác nhận</i>	-	33.571.566
<i>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	-	11.902.485
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước</b>	<b>22.226.848.362</b>	<b>14.637.326.205</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>22.226.848.362</b>	<b>14.637.326.205</b>
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>1.907.886.017</b>	<b>1.097.799.465</b>
<b>Thuế TNDN phải trả đầu năm</b>	<b>87.507.218</b>	<b>159.041.635</b>
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước	(1.121.625.691)	20.383.021
Thuế TNDN đã trả trong năm	1.418.827.354	1.189.716.903
<b>Thuế TNDN (trả trước)/phải trả cuối năm</b>	<b>(545.059.810)</b>	<b>87.507.218</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Vicostone	Công ty cùng Tập đoàn	Bán đá mẫu	70.756.504.626	33.576.630.003
		Mua phôi đá	44.270.616.823	74.741.846.313
		Vay ngắn hạn	5.000.000.000	3.000.000.000
		Tất toán khoản vay ngắn hạn	5.000.000.000	3.000.000.000
		Bán thành phẩm	2.447.340.000	-
		Mua vật tư	1.809.552.353	2.827.077.407
		Cho thuê nhà xưởng	960.000.000	960.000.000
		Gia công đá mẫu	244.659.942	2.020.198.362
		Chi phí lãi vay	54.166.667	-
		Trả lại hàng phôi đá	-	35.027.063.568
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng Tập đoàn	Cho vay	55.000.000.000	-
		Thu lại tiền cho vay ngắn hạn	55.000.000.000	-
		Lãi từ hoạt động cho vay	1.210.900.001	-
		Bán đá mẫu	899.648.285	2.506.286.095
		Gia công đá mẫu	78.386.675	-
		Bán thành phẩm	15.000.000	-
Công ty Cổ phần Phượng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Bán thành phẩm và gia công đá mẫu	1.969.342.180	-

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cán trừ công nợ. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)</b>			
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng Tập đoàn	Bán đá mẫu	- 51.589.753
			<b>- 51.589.753</b>
<b>Phải trả người bán (Thuyết minh số 10)</b>			
Công ty Cổ phần Vicostone	Cổ đông lớn	Mua phôi đá	- 2.554.438.357
			<b>- 2.554.438.357</b>

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	1.005.752.528	1.685.092.319
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.005.752.528</b>	<b>1.685.092.319</b>

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	21.228.971.765	13.334.234.578
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng Ban quản lý điều hành Công ty (*)	<u>(2.505.018.668)</u>	<u>(1.573.439.680)</u>
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b><u>18.723.953.097</u></b>	<b><u>11.760.794.898</u></b>
Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>6.512.750</u>	<u>5.707.271</u>
<b>Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>6.512.750</u></b>	<b><u>5.707.271</u></b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
- <i>Lãi cơ bản</i>	2.875	2.061
- <i>Lãi suy giảm</i>	2.875	2.061

(\*) Quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng Ban quản lý điều hành Công ty năm nay được tạm tính căn cứ trên số kế hoạch theo Nghị Quyết số 01/2015/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 3 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

**24. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty đang thuê 24.100 m<sup>2</sup> đất tại Lô A2, Khu công nghiệp Bắc Phú Cát theo hợp đồng thuê hoạt động số 12/VČ/HĐKT-TLĐKCNBPC ngày 30 tháng 5 năm 2008 với thời hạn thuê là 49 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Tổng phí thuê đất và sử dụng hạ tầng là 12.989.900.000 đồng Việt Nam (đã bao gồm thuế GTGT 10%) và phí quản lý 3.500 đồng Việt Nam/m<sup>2</sup>/năm.

Công ty hiện đang cho thuê nhà xưởng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	<u>720.000.000</u>	<u>720.000.000</u>
	<b><u>720.000.000</u></b>	<b><u>720.000.000</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Trình bày lại cho phù hợp với các trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính năm nay. Chi tiết như sau:

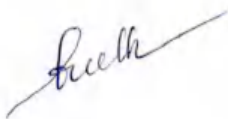
Đơn vị tính: VNĐ

	Mã số	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Các khoản tương đương tiền	112	25.000.000.000	(20.000.000.000)	5.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	23.000.000.000	23.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	757.811.112	68.037.974	825.849.086
Tài sản ngắn hạn khác	159	68.037.974	(68.037.974)	-
Hàng tồn kho	141	34.132.990.815	(424.679.128)	33.708.311.687
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	424.679.128	424.679.128
Quỹ dự phòng tài chính	417	1.358.539.922	(1.358.539.922)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	6.251.100.895	1.358.539.922	7.609.640.817

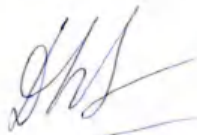
Ngoài ra, chỉ tiêu về lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng được trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn của Thông tư 200 như được trình bày tại Thuyết minh số 23.

**26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Người lập biểu  
Dương Thị Tình



Kế toán trưởng  
Trần Thị Đức Hạnh



Giám đốc  
Nguyễn Minh Hồng

Ngày 17 tháng 2 năm 2016